

Đồng Nai, ngày 09 tháng 02 năm 2022

**THUYẾT MINH TÍNH TOÁN
ĐƠN GIÁ THỰC HIỆN DỊCH VỤ SỰ NGHIỆP CÔNG CHIẾU PHIM
LƯU ĐỘNG TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐỒNG NAI**

I. Cơ sở xác định đơn giá

Nghị định số 38/2019/NĐ-CP ngày 09 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ Quy định mức lương cơ sở đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang;

Nghị định số 191/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ Quy định chi tiết về tài chính công đoàn;

Thông tư liên tịch số 11/2005/TTLT-BNV-BLDTBXH-BTC-UBDT ngày 05 tháng 01 năm 2005 của Bộ Nội vụ - Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội - Bộ Tài chính - Ủy ban Dân tộc Hướng dẫn thực hiện chế độ phụ cấp khu vực;

Thông tư số 33/2006/TT-BVHTT ngày 06 tháng 03 năm 2006 của Bộ Trưởng Bộ Văn hóa - Thông tin Hướng dẫn thực hiện chế độ phụ cấp lưu động đối với cán bộ, viên chức ngành Văn hóa - Thông tin;

Thông tư số 67/2006/TT-BVHTT ngày 10 tháng 8 năm 2006 của Bộ Trưởng Bộ Văn hoá - Thông tin Hướng dẫn phân hạng và thực hiện chế độ phụ cấp chức vụ lãnh đạo trong các tổ chức sự nghiệp, dịch vụ công lập hoạt động Văn hoá - Thông tin;

Thông tư số 08/2015/TT-BVHTTDL ngày 23 tháng 10 năm 2015 của Bộ Trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch Quy định hoạt động của đội chiếu phim lưu động thuộc trung tâm điện ảnh tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ Trưởng Bộ Tài chính Hướng dẫn chế độ quản lý sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định;

Thông tư số 45/2018/TT-BTC ngày 07 tháng 5 năm 2018 của Bộ Trưởng Bộ Tài chính Hướng dẫn chế độ quản lý, tính hao mòn, khấu hao tài sản cố định tại cơ quan, tổ chức, đơn vị và tài sản cố định do nhà nước giao cho doanh nghiệp quản lý không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp;

Quyết định số 595/QĐ-BHXH ngày 14 tháng 4 năm 2017 của Tổng Giám đốc BHXH Việt Nam Ban hành quy trình thu bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động - bệnh nghề nghiệp; quản lý sổ bảo hiểm xã hội, thẻ bảo hiểm y tế;

Thông tư số 17/2019/TT-BLĐTBXH ngày 06 tháng 11 năm 2019 của Bộ Trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội Hướng dẫn xác định chi phí tiền lương, chi phí nhân công trong giá, đơn giá sản phẩm, dịch vụ công ích sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước do doanh nghiệp thực hiện (vận dụng);

Thông tư số 13/2021/TT-BXD ngày 31 tháng 8 năm 2021 của Bộ Trưởng Bộ Xây dựng Hướng dẫn phương pháp xác định các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật và đo bóc khối lượng công trình (vận dụng xác định giá ca máy);

Quyết định số 28/2020/QĐ-UBND ngày 23 tháng 7 năm 2020 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Đồng Nai Ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật thực hiện công tác chiếu phim lưu động trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Quyết định số 40/2020/QĐ-UBND ngày 17 tháng 9 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai quy định tiêu chuẩn, định mức xe ô tô chuyên dùng của cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Đồng Nai;

Quyết định số 36/2021/QĐ-UBND ngày 23 tháng 8 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai Bổ sung Điều 5 Định mức kinh tế kỹ thuật thực hiện công tác chiếu phim lưu động trên địa bàn tỉnh Đồng Nai ban hành kèm theo Quyết định số 28/2020/QĐ-UBND ngày 23/7/2020 của UBND tỉnh Đồng Nai;

II. Thuyết minh nội dung đơn giá

Việc xác định đơn giá vật liệu, máy thiết bị trên cơ sở vận dụng thực hiện thực tế tại Trung tâm Văn hóa – Điện ảnh là đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch.

Trung tâm có chức năng tuyên truyền chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước; thực hiện các nhiệm vụ chính trị, kinh tế, xã hội của địa phương. Tổ chức các hoạt động văn hóa, chiếu phim phục vụ Nhân dân vùng sâu vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, các xã nông thôn mới, công nhân các khu công nghiệp.

Nhiệm vụ của các Đội chiếu phim lưu động là chiếu phim phục vụ Nhân dân vùng sâu vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, các xã nông thôn mới, công nhân các khu công nghiệp và trước mỗi buổi chiếu tuyên truyền các sự kiện chính trị của tỉnh, đất nước, tuyên truyền kỷ niệm các ngày lễ lớn trong năm; tuyên truyền các chủ đề về an toàn giao thông, phòng chống tội phạm, tệ nạn xã hội, phòng chống dịch bệnh...

Chi phí để cấu thành đơn giá buổi chiếu phim lưu động bao gồm tiền lương, tiền công, bảo hiểm của nhân công trực tiếp, gián tiếp; nguyên vật liệu; máy móc thiết bị và chi phí khác. Tất cả các khoản chi phí này đơn vị đều lấy từ nguồn kinh phí buổi chiếu phim lưu động để chi.

Tại khoản b, mục 1, điều 11, Thông tư số 25/2014/TT-BTC ngày 17/02/2014 của Bộ Tài chính có quy định: Đối với sản phẩm được sản xuất ra không thuộc đối tượng chịu thuế giá trị gia tăng hoặc thuộc đối tượng chịu thuế giá trị gia tăng theo phương pháp trực tiếp thì giá vật tư bao gồm thuế giá trị gia

tăng. Sản phẩm của hoạt động chiếu phim là những buổi chiếu phục vụ nhân dân vùng sâu vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, hoàn toàn miễn phí, không thu tiền, người thực hiện nhiệm vụ là viên chức Nhà nước nên từ trước đến nay đơn vị không thực hiện khai báo thuế và khấu trừ thuế đầu ra đầu vào đối với lĩnh vực này.

Do vậy, đơn vị đề nghị đối với đơn giá vật liệu và máy móc thiết bị dùng để tính đơn giá buổi chiếu phim lưu động là đơn giá có thuế VAT theo quy định (do giá vật liệu và máy móc thiết bị khi mua vào đều phải chịu thuế VAT).

1. Chi phí vật liệu được xác định trên cơ sở:

Định mức hao phí vật liệu được xác định theo Quyết định số 28/2020/QĐ-UBND ngày 23/7/2020 của UBND tỉnh Đồng Nai Ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật thực hiện công tác chiếu phim lưu động trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Đơn giá vật liệu được xác định căn cứ theo Chứng thư thẩm định giá số 878/CT-THM ngày 27/10/2021 của Công ty Cổ phần thẩm định giá Thế hệ Mới.

2. Chi phí nhân công được xác định trên cơ sở:

Định mức hao phí nhân công được xác định theo Quyết định số 28/2020/QĐ-UBND ngày 23/7/2020 của UBND tỉnh Đồng Nai về Ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật thực hiện công tác chiếu phim lưu động trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

Đơn giá nhân công được xác định trên cơ sở:

- Phương pháp xác định đơn giá nhân công: Tham khảo Thông tư số 17/2019/TT-BLĐTBXH ngày 06 tháng 11 năm 2019 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc hướng dẫn xác định chi phí tiền lương, chi phí nhân công trong giá, đơn giá sản phẩm, dịch vụ công ích sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước do doanh nghiệp thực hiện.

- Lương cơ sở theo Nghị định số 38/2019/NĐ-CP ngày 09/5/2019 của Chính phủ: 1.490.000 đồng/người/tháng.

- Mức đóng BHXH, BHYT, BHTN áp dụng theo Quyết định số 595/QĐ-BHXH ngày 14/4/2017 của BHXH Việt Nam về việc ban hành quy trình thu bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động - bệnh nghề nghiệp; quản lý sổ bảo hiểm xã hội, thẻ bảo hiểm y tế.

- Mức đóng KPCĐ áp dụng theo Nghị định số 191/2013/NĐ-CP ngày 21/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết về tài chính công đoàn.

- Phụ cấp chức vụ đối với chức danh đội trưởng ($H_{pc1} = 0,3$) được Trung tâm thực hiện theo quy định tại tiểu mục b, mục 8, phần II, Thông tư số 67/2006/TT-BVHTT ngày 10/8/2006 của Bộ Văn hoá - Thông tin hướng dẫn phân hạng và thực hiện chế độ phụ cấp chức vụ lãnh đạo trong các tổ chức sự nghiệp, dịch vụ công lập hoạt động văn hoá.

- Phụ cấp khu vực ($H_{pc2} = 0,2$) được Trung tâm thực hiện theo quy định tại mục XXXXVI. Tỉnh Đồng Nai, Thông tư liên tịch số 11/2005/TTLT-BNV-BLDTBXH-BTC-UBND ngày 05/01/2005 của liên bộ Bộ Nội vụ - Bộ Lao động, Thương binh và xã hội - Bộ Tài chính - Ủy ban Dân tộc hướng dẫn chế độ phụ cấp khu vực của các địa phương, đơn vị. Các Đội Chiếu phim lưu động của đơn vị phục vụ nhân dân vùng sâu vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số ở khắp các xã thuộc các huyện trong tỉnh nhưng do hệ số phụ cấp ở các xã khác nhau nên đơn vị áp dụng chung một mức 0,2.

- Phụ cấp lưu động ($H_{pc3} = 0,6$) được Trung tâm thực hiện theo quy định tại tiểu mục c - Mức 3, mục II, Thông tư số 33/2006/TT-BVHTT ngày 06/3/2006 của Bộ Văn hoá Thông tin hướng dẫn thực hiện chế độ phụ cấp lưu động đối với cán bộ, viên chức ngành văn hóa - thông tin.

- Số ngày công/ 01 tháng là 22 ngày được xác định theo số lượng buổi chiếu phim của một đội chiếu theo quy định của đơn vị.

3. Chi phí máy - thiết bị chiếu được xác định trên cơ sở:

Định mức hao phí máy - thiết bị chiếu được xác định theo Quyết định số 28/2020/QĐ-UBND ngày 23/7/2020 của UBND tỉnh Đồng Nai về Ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật thực hiện công tác chiếu phim lưu động trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Đơn giá ca máy - thiết bị chiếu được xác định trên cơ sở:

- Phương pháp xác định đơn giá ca máy - thiết bị chiếu: Tham khảo Thông tư số 13/2021/TT-BXD ngày 31 tháng 8 năm 2021 của Bộ Xây dựng hướng dẫn phương pháp xác định các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật và đo bóc khối lượng công trình (vận dụng xác định giá ca máy);

- Đơn giá nhiên liệu: Được xác định trên cơ sở Thông cáo báo chí số 25/2021/PLX-TCBC của Petrolimex về điều chỉnh giá xăng dầu ngày 26/10/2021. Giá dầu Diezen 0,05S-II = 18.710 đồng/lít.

- Nguyên giá xe bán tải được căn cứ theo Quyết định số 40/2020/QĐ-UBND ngày 17/9/2020 của UBND tỉnh Đồng Nai quy định tiêu chuẩn, định mức xe ô tô chuyên dùng của cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Đồng Nai.

- Nguyên giá máy vi tính xách tay, máy chiếu, máy lưu giải mã tín hiệu và máy phát điện căn cứ theo Chứng thư thẩm định giá số 878/CT-THM ngày 27/10/2021 của Công ty Cổ phần thẩm định giá Thế hệ Mới.

4. Về chi phí khấu hao tài sản cố định:

Đối với tài sản cố định là xe bán tải do Ngân sách Nhà nước cấp, đơn vị không tính khấu hao vào đơn giá chiếu phim lưu động. Đơn vị chỉ tính chi phí nhiên liệu, chi phí sửa chữa và chi phí khác.

Đối với các tài sản cố định đơn vị tự trang bị bằng nguồn kinh phí buổi chiếu như: Máy vi tính xách tay, máy chiếu full HD, máy lưu giải mã tín hiệu,

máy phát điện dự phòng đơn vị tính khấu hao theo Thông tư số 45/2018/TT-BTC ngày 07 tháng 5 năm 2018 của Bộ Tài chính.

Thời gian tính chi phí khấu hao của máy vi tính xách tay, chiếu full HD căn cứ theo Thông tư số 45/2018/TT-BTC. Thời gian tính chi phí khấu hao của Máy lưu, giải mã tín hiệu tính như máy ảnh căn cứ theo Thông tư số 45/2018/TT-BTC; Thời gian tính khấu hao của Máy phát điện dự phòng căn cứ theo và Thông tư số 45/2013/TT-BTC;

Phương pháp xác định đơn giá ca máy - thiết bị chiếu: Tham khảo Thông tư số 13/2021/TT-BXD ngày 31 tháng 8 năm 2021 của Bộ Xây dựng hướng dẫn phương pháp xác định các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật và đo bóc khối lượng công trình (vận dụng xác định giá ca máy).

5. Chi phí nhân công gián tiếp được xác định:

Theo Quyết định số 36/2021/QĐ-UBND ngày 23/8/2020 bổ sung Điều 5 Định mức kinh tế kỹ thuật thực hiện công tác chiếu phim lưu động trên địa bàn tỉnh Đồng Nai ban hành kèm theo Quyết định số 28/2020/QĐ-UBND ngày 23/7/2020 của UBND tỉnh Đồng Nai.

6. Chi phí khác được xác định:

Theo Quyết định số 36/2021/QĐ-UBND ngày 23/8/2020 bổ sung Điều 5 Định mức kinh tế kỹ thuật thực hiện công tác chiếu phim lưu động trên địa bàn tỉnh Đồng Nai ban hành kèm theo Quyết định số 28/2020/QĐ-UBND ngày 23/7/2020 của UBND tỉnh Đồng Nai.

Trên đây là thuyết minh tính toán đơn giá thực hiện công tác chiếu phim lưu động trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

GIÁM ĐỐC



Lê Kim Bằng

UBND TỈNH ĐỒNG NAI
SỞ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH ĐỒNG NAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



Đơn giá
Dịch vụ sự nghiệp công chiếu phim lưu động

Đơn vị: đồng/ 1 buổi chiếu

Stt	Nội dung chi phí	Cách tính	Đơn giá	Ký hiệu
1	Chi phí vật liệu	Chi tiết tại phụ lục 2	498.850	C_{vl}
2	Chi phí nhân công	Chi tiết tại phụ lục 2	1.098.319	C_{nc}
3	Chi phí máy, thiết bị chiếu	Chi tiết tại phụ lục 2	768.134	C_m
4	Chi phí nhân công gián tiếp	$27\% * C_{nc}$	296.546	C_{ncgt}
5	Chi phí khác	$30,37\% * (C_{vl} + C_{nc} + C_m + C_{ncgt})$	808.403	C_k
	Đơn giá	$C_{vl} + C_{nc} + C_m + C_{ncgt} + C_k$	3.470.251	
	Làm tròn		3.470.000	

Bảng chữ: Ba triệu, bốn trăm bảy mươi ngàn đồng.

Ghi chú:

- Chi phí nhân công gián tiếp được thực hiện theo Quyết định số 36/2021/QĐ-UBND ngày 23 tháng 8 năm 2020 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Đồng Nai bổ sung Điều 5 Định mức kinh tế kỹ thuật thực hiện công tác chiếu phim lưu động trên địa bàn tỉnh Đồng Nai ban hành kèm theo Quyết định số 28/2020/QĐ-UBND ngày 23/7/2020 của UBND tỉnh Đồng Nai

- Chi phí khác được thực hiện theo Quyết định số 36/2021/QĐ-UBND ngày 23 tháng 8 năm 2020 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Đồng Nai bổ sung Điều 5 Định mức kinh tế kỹ thuật thực hiện công tác chiếu phim lưu động trên địa bàn tỉnh Đồng Nai ban hành kèm theo Quyết định số 28/2020/QĐ-UBND ngày 23/7/2020 của UBND tỉnh Đồng Nai

UBND TỈNH ĐỒNG NAI
SỞ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH ĐỒNG NAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



Phụ lục 1

Bảng tính Đơn giá Vật Liệu, Nhân công, Máy - Thiết bị

Stt	Thành phần hao phí	Đơn vị tính	Định mức được duyệt	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)
I	Vật liệu				498.850
1	Dây dù	m	0,7576	30.000	22.728
2	Bạt che	m ²	0,3788	30.000	11.364
3	Dây điện	m	0,7576	25.000	18.940
4	Dây loa	m	0,4545	30.000	13.635
5	Ghế nhựa	cái	0,1894	75.000	14.205
6	Ổ cắm	cái	0,0076	600.000	4.560
7	Đèn pin	cái	0,0076	472.500	3.591
8	Cọc màn ảnh bằng sắt	cái	0,0455	293.000	13.332
9	Búa	cái	0,0019	220.000	418
10	Võng dù	cái	0,0114	200.000	2.280
11	Giỏ xách đựng công cụ - dụng cụ	cái	0,0189	300.000	5.670
12	Bóng đèn	cái	0,0606	240.000	14.544
13	Đèn để bàn	cái	0,0076	450.000	3.420
14	Bàn để máy chiếu – thiết bị	cái	0,0051	3.000.000	15.300
15	Quạt đứng	cái	0,0038	6.500.000	24.700
16	USB 32G lưu phim	cái	0,0076	129.000	980
17	Chân giá đỡ loa	cái	0,0038	2.500.000	9.500
18	Loa phóng thanh lưu động	cái	0,0025	2.340.000	5.850
19	Dây HDMI	bộ	0,0076	2.220.000	16.872

Stt	Thành phần hao phí	Đơn vị tính	Định mức được duyệt	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)
20	Màn ảnh	cái	0,0008	11.500.000	9.200
21	Loa thùng (tích hợp công suất)	bộ	0,0008	42.900.000	34.320
22	Đầu Karaoke	bộ	0,0019	9.250.000	17.575
23	Amly	bộ	0,0008	9.900.000	7.920
24	ổ cứng	cái	0,0008	4.900.000	3.920
25	Micro	cái	0,0038	5.400.000	20.520
26	Tủ đựng thiết bị âm thanh	cái	0,0008	5.180.000	4.144
27	Khung màn ảnh	bộ	0,0013	7.500.000	9.750
28	Cờ phướn, cờ tổ quốc, cờ đảng, cờ hoa	bộ	0,1136	300.000	34.080
29	Pano, băng rôn (in Hamlet)	m2	1,1364	130.000	147.732
30	Khung sắt pano, băng rôn	bộ	0,0013	6.000.000	7.800
II	Nhân công				1.098.319
1	Đội trưởng bậc bình quân 4,481	công	1	466.813	466.813
2	Kỹ thuật bậc bình quân 3,04	công	1	321.190	321.190
3	Lái xe bậc bình quân 2,91	công	1	310.316	310.316
III	Máy - thiết bị				768.134
1	Xe bán tải (chi phí sửa chữa, nhiên liệu)	ca	0,25	2.611.613	652.903
2	Máy vi tính xách tay	ca	0,5625	23.760	13.365
3	Máy chiếu full HD	ca	0,5625	49.969	28.108
4	Máy lưu, giải mã tín hiệu	ca	0,375	33.957	12.734
5	Máy phát điện dự phòng	ca	0,1125	542.434	61.024



Phụ lục 2
Bảng Đơn giá vật liệu

Stt	Tên vật liệu	Đơn vị	Đơn giá đã có thuế VAT (đồng)	Ghi chú
1	Dây dù	m	30.000	Chứng thư
2	Bạt che:	m2	30.000	Chứng thư
3	Dây điện:	m	25.000	Chứng thư
4	Dây loa	m	30.000	Chứng thư
5	Ghế nhựa	cái	75.000	Chứng thư
6	Ổ cắm	cái	600.000	Chứng thư
7	Đèn pin	cái	472.500	Chứng thư
8	Cọc màn ảnh bằng sắt	cái	293.000	Chứng thư
9	Búa	cái	220.000	Chứng thư
10	Võng dù	cái	200.000	Chứng thư
11	Giỏ xách đựng công cụ - dụng cụ	cái	300.000	Chứng thư
12	Bóng đèn:	cái	240.000	Chứng thư
13	Đèn để bàn	cái	450.000	Chứng thư
14	Bàn để máy chiếu - thiết bị	cái	3.000.000	Chứng thư
15	Quạt đứng	cái	6.500.000	Chứng thư
16	USB 32G lưu phim	cái	129.000	Chứng thư
17	Chân giá đỡ loa	cái	2.500.000	Chứng thư
18	Loa phóng thanh lưu động	cái	2.340.000	Chứng thư
19	Dây HDMI	bộ	2.220.000	Chứng thư
20	Màn ảnh	cái	11.500.000	Chứng thư

Stt	Tên vật liệu	Đơn vị	Đơn giá đã có thuế VAT (đồng)	Ghi chú
21	Loa thùng (tích hợp công suất)	bộ	42.900.000	Chứng thư
22	Đầu Karaoke	bộ	9.250.000	Chứng thư
23	Amly	chiếc	9.900.000	Chứng thư
24	Ổ cứng	cái	4.900.000	Chứng thư
25	Micro	cái	5.400.000	Chứng thư
26	Tủ đựng thiết bị âm thanh	cái	5.180.000	Chứng thư
27	Khung màn ảnh	bộ	7.500.000	Chứng thư
28	Cờ phướn, cờ tổ quốc, cờ đảng, cờ hoa	bộ	300.000	Chứng thư
29	Pano, băng rôn (in Hamlet)	m2	130.000	Chứng thư
30	Khung sắt pano, băng rôn	bộ	6.000.000	Chứng thư

UBND TỈNH ĐỒNG NAI
SỞ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH ĐỒNG NAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



Phụ lục 3
Bảng xác định Đơn giá Nhân công

Cơ sở xác định:

- Lương cơ sở: Nghị định 38/2019/NĐ-CP ngày 09/5/2019 của Chính phủ - Mức lương cơ sở 1.490.000 đồng/người/tháng.
- Mức đóng BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ: Theo Nghị định số 44/2017/NĐ-CP ngày 14/4/2017 (có hiệu lực từ ngày 01/6/2017).

Stt	Chức danh công việc	Chi phí lương (V_{ld})					Chi phí khác (V_{lkhac}) (đồng/ngày công)					Đơn giá NC (đồng/công)
		Hệ số bậc lương (H_{lb})	Phụ cấp chức vụ (0,3)	Phụ cấp khu vực (0,2)	Phụ cấp lưu động (0,6)	Lương/ ngày công (đồng)	Bảo hiểm xã hội (đồng)	Bảo hiểm y tế (đồng)	Bảo hiểm thất nghiệp (đồng)	Kinh phí công đoàn (đồng)	chi phí khác/ngày công (đồng)	
		(1)	(2)	(3)	(4)	(5) = {(1)+...+(4)}*1.490.000/ 22 ngày	(6) = (5)*17,5%	(7) = (5)*3%	(8) = (5)*1%	(9) = (5)*2%	(10)	(11) = (5)+(10)
1	Đội trưởng	4,481	0,3	0,2	0,6	377.986	66.148	11.340	3.780	7.560	88.827	466.813
2	Kỹ thuật	3,04	-	0,2	0,6	260.073	45.513	7.802	2.601	5.201	61.117	321.190
3	Lái xe	2,91	-	0,2	0,6	251.268	43.972	7.538	2.513	5.025	59.048	310.316

Ghi chú:

- Hệ số bậc lương xác định bằng hệ số cấp bậc nhân công theo Quyết định số 28/2020/QĐ-UBND ngày 23/7/2020 của UBND tỉnh Đồng Nai v/v Ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật thực hiện công tác chiếu phim lưu động trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.
- Ngày công lao động của đội chiếu phim được xác định 22 ngày làm việc/tháng theo thực tế.

UBND TỈNH ĐỒNG NAI
SỞ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH ĐỒNG NAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Phụ lục 4
Bảng giá ca Máy và Thiết bị chiếu

Stt	Loại máy & Thiết bị	Số ca / năm	Số giờ sử dụng để tính hao (năm)	Định mức cp sửa chữa, cp khác / năm (%/nguyên giá)		Định mức tiêu hao nhiên liệu, năng lượng 1 ca	Nguyên giá (đồng)	Chi phí khấu hao (C _{KH}) (đồng)	Chi phí sửa chữa (C _{SC}) (đồng)	Chi phí NL (C _{NL}) (đồng)	Chi phí khác (C _{CPK}) (đồng)	Giá ca máy (C _{CM}) (đồng)
				S.chữa	CP khác							
1	Xe bán tải	66		6,2	6	52,0 lít diesel	920.000.000		864.242	911.007	836.364	2.611.613
2	Máy vi tính xách tay	148,5	5	3,5	4		22.564.500	12.364	5.318		6.078	23.760
3	Máy chiếu full HD	148,5	5	2	4		52.489.500	28.761	7.069		14.139	49.969
4	Máy lưu, giải mã tín hiệu	99	5	2	4		29.425.000	16.123	5.944		11.889	33.957
5	Máy phát điện dự phòng	29,7	7	3,9	5	24,0 lít diesel	36.000.000	14.090	47.273	420.465	60.606	542.434

Ghi chú:

- Số ca/ năm được tính = Hao phí ca máy của 1 buổi chiếu * số lượng buổi chiếu 1 năm;
- Đơn giá nhiên liệu theo Thông cáo báo chí số 25/2021/PL.X-TCBC của Petrolimex về điều chỉnh giá xăng dầu ngày 26.10.2021. Giá dầu Diezen 0,05S-II = 18.710 đồng/lít.
- Thời gian tính chi phí khấu hao của máy vi tính xách tay, máy chiếu full HD căn cứ theo Thông tư số 45/2018/TT-BTC; Thời gian tính chi phí khấu hao của Máy lưu, giải mã tín hiệu tính như máy ảnh căn cứ theo Thông tư số 45/2018/TT-BTC; Thời gian tính khấu hao của Máy phát điện dự phòng căn cứ theo và Thông tư số 45/2013/TT-BTC; Kinh phí mua xe bán tải do ngân sách Nhà nước cấp nên không tính khấu hao TSCĐ đối với xe bán tải.
- Định mức chi phí sửa chữa, chi phí khác tỷ lệ xe bán tải tham khảo - vận dụng mã hiệu định mức máy "M106.0105: ô tô vận tải thùng, trọng tải 5 tấn" từ TT 13/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ Xây dựng hướng dẫn phương pháp xác định các chi tiêu kinh tế kỹ thuật và đo bóc khối lượng công trình.
- Định mức tiêu hao nhiên liệu xe bán tải (tham khảo thực tế từ 12 - 14 lít/100km: đơn vị tính bình quân 13 lít/100km), vận tốc di chuyển bình quân 50km/h -> 1 ca 8 giờ di chuyển = 8*50 = 400 km -> mức tiêu hao nhiên liệu = 13*4 = 52 lít.
- Định mức tỷ lệ chi phí sửa chữa, chi phí khác máy vi tính xách tay tham khảo - vận dụng mã hiệu định mức máy "M202.0164: máy tính xách tay từ TT 13/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ Xây dựng hướng dẫn phương pháp xác định các chi tiêu kinh tế kỹ thuật và đo bóc khối lượng công trình.

- Định mức tỷ lệ chi phí sửa chữa, chi phí khác máy chiếu full HD, máy lưu - giải mã tín hiệu tham khảo - vận dụng mã hiệu định mức máy "M201.0026: máy ảnh từ TT 13/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ Xây dựng.
- Định mức tỷ lệ chi phí sửa chữa, chi phí khác máy phát điện dự phòng tham khảo - vận dụng mã hiệu định mức máy "M108.0103: máy phát điện lưu động, công suất 37,5kVA từ TT 13/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ Xây dựng hướng dẫn phương pháp xác định các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật và đo bóc khối lượng công trình.
- Chi phí tiền lương đã được tính trong chi phí nhân công trực tiếp.
- Đơn giá xe bán tải được áp dụng theo QĐ số 40/2020/QĐ-UBND ngày 17/9/2020 của UBND tỉnh Đồng Nai
- Đơn giá Máy vi tính, máy chiếu, máy lưu giải mã tín hiệu và máy phát điện theo Chứng thư thẩm định giá.

Số: /TTr-SVHTTDL

Đồng Nai, ngày tháng năm 2022

TỜ TRÌNH

Dự thảo Quyết định Ban hành đơn giá dịch vụ sự nghiệp công chiếu phim lưu động trên địa bàn tỉnh Đồng Nai

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai.

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015; Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch kính trình Ủy ban nhân dân tỉnh dự thảo Quyết định Ban hành đơn giá dịch vụ sự nghiệp công chiếu phim lưu động trên địa bàn tỉnh Đồng Nai, như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH VĂN BẢN

Căn cứ Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên; Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập; Quyết định số 1256/QĐ-UBND ngày 12/4/2018 về việc ban hành danh mục sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước trong lĩnh vực văn hóa, gia đình, thể thao và du lịch tỉnh Đồng Nai, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch đã tham mưu UBND tỉnh Ban hành 02 Quyết định:

- Quyết định số 28/2020/QĐ-UBND ngày 23/7/2020 của UBND tỉnh Ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật thực hiện công tác chiếu phim lưu động trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

- Quyết định số 36/2021/QĐ-UBND ngày 23/8/2021 về việc bổ sung Điều 5 Định mức kinh tế kỹ thuật thực hiện công tác chiếu phim lưu động trên địa bàn tỉnh Đồng Nai Ban hành kèm theo Quyết định số 28/2020/QĐ-UBND ngày 23/7/2020 của UBND tỉnh Đồng Nai.

Theo đó việc tham mưu UBND tỉnh ban hành đơn giá dịch vụ sự nghiệp công chiếu phim lưu động trên địa bàn tỉnh Đồng Nai là cần thiết và làm cơ sở để các đơn vị có liên quan xây dựng dự toán, giao dự toán và quyết toán kinh phí thực hiện dịch vụ sự nghiệp công chiếu phim lưu động trên địa bàn tỉnh Đồng Nai theo quy định.

II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM CHỈ ĐẠO VIỆC XÂY DỰNG DỰ THẢO VĂN BẢN

1. Mục đích: Giúp các cơ quan quản lý nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập có căn cứ để lập kế hoạch và dự toán ngân sách hàng năm thực hiện dịch vụ sự nghiệp công chiếu phim lưu động phục vụ nhân dân trên địa bàn tỉnh Đồng Nai. Giúp cho cơ quan tài chính có chức năng sử dụng nguồn ngân sách Nhà nước trên địa bàn tỉnh Đồng Nai có cơ sở để lập dự toán, giao dự toán, quyết toán kinh phí từ ngân sách nhà nước đối với dịch vụ sự nghiệp công chiếu phim lưu động.

2. Quan điểm: Định mức này được sử dụng để tính đơn giá sản phẩm dịch vụ sự nghiệp công thực hiện công tác chiếu phim lưu động trên địa bàn tỉnh Đồng Nai; làm căn cứ lập dự toán, giao dự toán và quyết toán giá trị sản phẩm dịch vụ sự nghiệp công chiếu phim lưu động trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ THẢO VĂN BẢN

Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch đã thực hiện xây dựng dự thảo Quyết định UBND Ban hành đơn giá dịch vụ sự nghiệp công chiếu phim lưu động trên địa bàn tỉnh Đồng Nai theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 và Nghị định số 34/2016/NĐ-CP.

Việc xây dựng định mức kinh tế - kỹ thuật được xây dựng dựa trên cơ sở các căn cứ sau: Nghị định số 38/2019/NĐ-CP ngày 09 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ Quy định mức lương cơ sở đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang; Nghị định số 191/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ Quy định chi tiết về tài chính công đoàn; Thông tư liên tịch số 11/2005/TTLT-BNV-BLDTBXH-BTC-UBND ngày 05 tháng 01 năm 2005 của Bộ Nội vụ - Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội - Bộ Tài chính - Ủy ban Dân tộc Hướng dẫn thực hiện chế độ phụ cấp khu vực; Thông tư số 33/2006/TT-BVHTT ngày 06 tháng 03 năm 2006 của Bộ Trưởng Bộ Văn hóa - Thông tin Hướng dẫn thực hiện chế độ phụ cấp lưu động đối với cán bộ, viên chức ngành Văn hóa - Thông tin; Thông tư số 67/2006/TT-BVHTT ngày 10 tháng 8 năm 2006 của Bộ Trưởng Bộ Văn hoá - Thông tin Hướng dẫn phân hạng và thực hiện chế độ phụ cấp chức vụ lãnh đạo trong các tổ chức sự nghiệp, dịch vụ công lập hoạt động Văn hoá - Thông tin; Thông tư số 08/2015/TT-BVHTTDL ngày 23 tháng 10 năm 2015 của Bộ Trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch Quy định hoạt động của đội chiếu phim lưu động thuộc trung tâm điện ảnh tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ Trưởng Bộ Tài chính Hướng dẫn chế độ quản lý sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định; Thông tư số 45/2018/TT-BTC ngày 07 tháng 5 năm 2018 của Bộ Trưởng Bộ Tài chính Hướng dẫn chế độ quản lý, tính hao mòn, khấu hao tài

sản cố định tại cơ quan, tổ chức, đơn vị và tài sản cố định do nhà nước giao cho doanh nghiệp quản lý không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp; Quyết định số 595/QĐ-BHXH ngày 14 tháng 4 năm 2017 của Tổng Giám đốc BHXH Việt Nam Ban hành quy trình thu bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động - bệnh nghề nghiệp; quản lý sổ bảo hiểm xã hội, thẻ bảo hiểm y tế; Thông tư số 17/2019/TT-BLĐTBXH ngày 06 tháng 11 năm 2019 của Bộ Trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội Hướng dẫn xác định chi phí tiền lương, chi phí nhân công trong giá, đơn giá sản phẩm, dịch vụ công ích sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước do doanh nghiệp thực hiện (vận dụng); Thông tư số 13/2021/TT-BXD ngày 31 tháng 8 năm 2021 của Bộ Trưởng Bộ Xây dựng Hướng dẫn phương pháp xác định các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật và đo bóc khối lượng công trình (vận dụng xác định giá ca máy); Quyết định số 28/2020/QĐ-UBND ngày 23 tháng 7 năm 2020 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Đồng Nai Ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật thực hiện công tác chiếu phim lưu động trên địa bàn tỉnh Đồng Nai; Quyết định số 40/2020/QĐ-UBND ngày 17 tháng 9 năm 2020 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Đồng Nai quy định tiêu chuẩn, định mức xe ô tô chuyên dùng của cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Đồng Nai; Quyết định số 36/2021/QĐ-UBND ngày 23 tháng 8 năm 2020 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Đồng Nai Bổ sung Điều 5 Định mức kinh tế kỹ thuật thực hiện công tác chiếu phim lưu động trên địa bàn tỉnh Đồng Nai ban hành kèm theo Quyết định số 28/2020/QĐ-UBND ngày 23/7/2020 của UBND tỉnh Đồng Nai;

Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch đã thực hiện xây dựng đơn giá thực hiện buổi chiếu phim lưu động trên địa bàn tỉnh Đồng Nai gửi Sở Tài chính thẩm định. Sở Tài chính đã có văn bản số 8374/STC-QLG&CS ngày 16/12/2021 theo đó Sở Tài chính thống nhất với phương án giá công tác chiếu phim lưu động là 3.470.000 đồng/buổi và đề nghị Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch xem xét, trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt theo quy định.

Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch đã có văn bản số 16/SVHTTDL-KHTC ngày 06/01/2022 về việc xin ý kiến xây dựng dự thảo Quyết định của UBND tỉnh ban hành đơn giá thực hiện công tác chiếu phim lưu động trên địa bàn tỉnh lấy ý kiến Sở Tài chính, Sở Tư pháp. Trên cơ sở ý kiến của Sở Tài chính, Sở Tư pháp; Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch đã có văn bản số 53/SVHTTDL-KHTC ngày 12/01/2022 về việc xin chủ trương UBND tỉnh xây dựng văn bản Quy phạm pháp luật Quyết định UBND tỉnh Ban hành đơn giá thực hiện công tác chiếu phim lưu động trên địa bàn tỉnh Đồng Nai. Ngày 19/01/2022 UBND tỉnh có văn bản số

733/UBND-KGVX về việc xây dựng văn bản Quy phạm Pháp luật Quyết định UBND tỉnh Ban hành đơn giá thực hiện công tác chiếu phim lưu động trên địa bàn tỉnh theo đó UBND tỉnh chấp thuận xây dựng văn bản quy phạm pháp luật Quyết định UBND tỉnh ban hành đơn giá thực hiện công tác chiếu phim lưu động trên địa bàn tỉnh theo đề nghị của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch đã ban hành văn bản số/SVHTTDL-KHTC ngày/...../2022 về việc đề nghị đăng Cổng Thông tin điện tử dự thảo Tờ trình và dự thảo Quyết định UBND tỉnh Ban hành đơn giá thực hiện công tác chiếu phim lưu động trên địa bàn tỉnh Đồng Nai lấy ý kiến rộng rãi các tổ chức, đơn vị và nhân dân...

Ban hành văn bản số/SVHTTDL-KHTC ngày/...../2022 lấy ý kiến góp ý dự thảo Tờ trình và dự thảo Quyết định UBND tỉnh Ban hành đơn giá thực hiện công tác chiếu phim lưu động trên địa bàn tỉnh Đồng Nai lấy ý kiến góp ý Ủy ban Mặt trận tổ quốc tỉnh, Văn phòng UBND tỉnh, các Sở, ngành và UBND các huyện, thành phố và các đơn vị có liên quan chịu tác động trực tiếp của Quyết định...

Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch hoàn chỉnh hồ sơ gửi hồ sơ Sở Tư pháp thẩm định theo quy định tại văn bản số/SVHTTDL-KHTC ngày/...../2022...

Đến nay, Dự thảo Quyết định đảm bảo trình tự, thủ tục theo quy định của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

IV. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO VĂN BẢN

1. Bố cục: Dự thảo Quyết định bố cục gồm 4 Điều và Ban hành kèm theo Quyết định 02 phụ lục.

2. Nội dung cơ bản dự thảo Quyết định:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Đơn giá dịch vụ sự nghiệp công chiếu phim lưu động trên địa bàn tỉnh Đồng Nai như sau:

1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng: Đơn giá này được áp dụng thống nhất trên phạm vi toàn tỉnh Đồng Nai đối với Đội chiếu phim lưu động của Trung tâm Văn hóa – Điện ảnh Đồng Nai và tổ chức, cá nhân có liên quan trong việc thực hiện chiếu phim lưu động.

2. Đơn giá thực hiện dịch vụ sự nghiệp công chiếu phim lưu động trên địa bàn tỉnh Đồng Nai là 3.470.000 đồng/buổi chiếu. Các phụ lục kèm theo.

a) Phụ lục I. Đơn giá dịch vụ sự nghiệp công chiếu phim lưu động.

b) Phụ lục II. Bảng tính Đơn giá Vật liệu – Nhân công – Máy – Thiết bị.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực từ ngày...tháng....năm 2022.
2. Trường hợp Chính phủ điều chỉnh mức lương cơ sở thì áp dụng mức lương cơ sở theo quy định mới của Chính phủ để tính toán vào đơn giá.

Điều 3. Trách nhiệm thực hiện

1. Giao Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tổ chức triển khai, hướng dẫn, theo dõi việc thực hiện đơn giá; tổng hợp những khó khăn, vướng mắc và kịp thời báo cáo UBND tỉnh xem xét, quyết định sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế cho phù hợp với quy định pháp luật hiện hành.

2. Giao Sở Tài chính theo dõi, quản lý giá, giá dịch vụ theo quy định.

3. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, phát sinh, các Sở, ban, ngành và các đơn vị có liên quan báo cáo UBND tỉnh (qua Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch) để xem xét, giải quyết.

Điều 4: Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Trên đây là Tờ trình về dự thảo Quyết định UBND tỉnh Ban hành đơn giá dịch vụ sự nghiệp công chiếu phim lưu động trên địa bàn tỉnh Đồng Nai. Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch kính trình UBND tỉnh xem xét quyết định./.

(Xin gửi kèm theo: Dự thảo Quyết định; báo cáo thẩm định; bảng tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý của các cơ quan, tổ chức cá nhân).

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bám giám đốc Sở;
- Lưu: VT-KHTC (An).

GIÁM ĐỐC

Lê Kim Bằng

Số: /2022/QĐ-UBND
(Dự thảo)

Đồng Nai, ngày tháng năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành đơn giá thực hiện dịch vụ sự nghiệp công chiếu phim lưu động
trên địa bàn tỉnh Đồng Nai**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Điện ảnh ngày 29 tháng 6 năm 2006;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Điện ảnh ngày 18 tháng 6 năm 2009;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên;

Căn cứ Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Thông tư số 08/2015/TT-BVHTTDL ngày 23 tháng 10 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định hoạt động của Đội chiếu phim lưu động thuộc Trung tâm Phát hành phim và chiếu bóng hoặc Trung tâm Điện ảnh tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Căn cứ Thông tư số 45/2018/TT-BTC ngày 07 tháng 5 năm 2018 của Bộ Trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, tính hao mòn, khấu hao tài sản cố định tại cơ quan, tổ chức, đơn vị và tài sản cố định do nhà nước giao cho doanh nghiệp quản lý không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tại Tờ trình số/TTr-SVHTTDL ngày Tháng.....năm 2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Đơn giá dịch vụ sự nghiệp công chiếu phim lưu động trên địa bàn tỉnh Đồng Nai như sau:

1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng: Đơn giá này được áp dụng thống nhất trên phạm vi toàn tỉnh Đồng Nai đối với Đội chiếu phim lưu động của Trung tâm Văn hóa – Điện ảnh Đồng Nai và tổ chức, cá nhân có liên quan trong việc thực hiện chiếu phim lưu động.

2. Đơn giá thực hiện dịch vụ sự nghiệp công chiếu phim lưu động trên địa bàn tỉnh Đồng Nai là 3.470.000 đồng/buổi chiếu. Các phụ lục kèm theo.

a) Phụ lục I. Đơn giá dịch vụ sự nghiệp công chiếu phim lưu động.

b) Phụ lục II. Bảng tính Đơn giá Vật liệu – Nhân công – Máy – Thiết bị.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực từ ngày...tháng...năm 2022.

2. Trường hợp Chính phủ điều chỉnh mức lương cơ sở thì áp dụng mức lương cơ sở theo quy định mới của Chính phủ để tính toán vào đơn giá.

Điều 3. Trách nhiệm thực hiện

1. Giao Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tổ chức triển khai, hướng dẫn, theo dõi việc thực hiện đơn giá; tổng hợp những khó khăn, vướng mắc và kịp thời báo cáo UBND tỉnh xem xét, quyết định sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế cho phù hợp với quy định pháp luật hiện hành.

2. Giao Sở Tài chính theo dõi, quản lý giá, giá dịch vụ theo quy định.

3. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, phát sinh, các Sở, ban, ngành và các đơn vị có liên quan báo cáo UBND tỉnh (qua Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch) để xem xét, giải quyết.

Điều 4: Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM.ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
 - Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;
 - Cục kiểm tra VBQPPL – Bộ Tư pháp;
 - Chủ tịch, các PCT. UBND tỉnh;
 - Chánh, PCVP.UBND tỉnh;
 - Sở Tư pháp;
 - Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
 - Lưu: VT, KTNS (2).
- (ĐiệpKTNS, 17b)

Phụ lục 1

Đơn giá dịch vụ sự nghiệp công chiếu phim lưu động trên địa bàn tỉnh Đồng Nai

(Ban hành kèm theo Quyết định số /2022/QĐ-UBND ngày tháng năm 2022 của UBND tỉnh Đồng Nai)

Đơn vị : đồng/1 buổi chiếu

Stt	Nội dung chi phí	Cách tính	Đơn giá	Ký hiệu
1	Chi phí vật liệu	Chi tiết tại phụ lục 2	498.850	C_{vl}
2	Chi phí nhân công	Chi tiết tại phụ lục 2	1.098.319	C_{nc}
3	Chi phí máy, thiết bị	Chi tiết tại phụ lục 2	768.134	C_m
4	Chi phí nhân công gián tiếp	$27\% * C_{nc}$	296.546	C_{ncgt}
5	Chi phí khác	$30,37\% * (C_{vl} + C_{nc} + C_m + C_{ncgt})$	808.403	C_k
	Đơn giá	$C_{vl} + C_{nc} + C_m + C_{ncgt} + C_k$	3.470.251	
	Làm tròn		3.470.000	

Bảng chữ: Ba triệu, bốn trăm bảy mươi ngàn đồng.

Ghi chú:

- Chi phí nhân công gián tiếp được thực hiện theo Quyết định số 36/2021/QĐ-UBND ngày 23 tháng 8 năm 2020 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Đồng Nai bổ sung Điều 5 Định mức kinh tế kỹ thuật thực hiện công tác chiếu phim lưu động trên địa bàn tỉnh Đồng Nai ban hành kèm theo Quyết định số 28/2020/QĐ-UBND ngày 23/7/2020 của UBND tỉnh Đồng Nai

- Chi phí khác được thực hiện theo Quyết định số 36/2021/QĐ-UBND ngày 23 tháng 8 năm 2020 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Đồng Nai bổ sung Điều 5 Định mức kinh tế kỹ thuật thực hiện công tác chiếu phim lưu động trên địa bàn tỉnh Đồng Nai ban hành kèm theo Quyết định số 28/2020/QĐ-UBND ngày 23/7/2020 của UBND tỉnh Đồng Nai

Phụ lục 2**Bảng tính đơn giá Vật liệu, Nhân công, Máy - Thiết bị**

(Ban hành kèm theo Quyết định số /2022/QĐ-UBND ngày tháng năm 2021 của UBND tỉnh Đồng Nai)

Stt	Thành phần hao phí	Đơn vị tính	Định mức được duyệt	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)
I	Vật liệu				498.850
1	Dây dù	m	0,7576	30.000	22.728
2	Bạt che	m2	0,3788	30.000	11.364
3	Dây điện	m	0,7576	25.000	18.940
4	Dây loa	m	0,4545	30.000	13.635
5	Ghế nhựa	cái	0,1894	75.000	14.205
6	Ổ cắm	cái	0,0076	600.000	4.560
7	Đèn pin	cái	0,0076	472.500	3.591
8	Cọc màn ảnh bằng sắt	cái	0,0455	293.000	13.332
9	Búa	cái	0,0019	220.000	418
10	Võng dù	cái	0,0114	200.000	2.280
11	Giỏ xách đựng công cụ - dụng cụ	cái	0,0189	300.000	5.670
12	Bóng đèn	cái	0,0606	240.000	14.544
13	Đèn để bàn	cái	0,0076	450.000	3.420
14	Bàn để máy chiếu – thiết bị	cái	0,0051	3.000.000	15.300
15	Quạt đứng	cái	0,0038	6.500.000	24.700
16	USB 32G lưu phim	cái	0,0076	129.000	980
17	Chân giá đỡ loa	cái	0,0038	2.500.000	9.500
18	Loa phóng thanh lưu động	cái	0,0025	2.340.000	5.850
19	Dây HDMI	bộ	0,0076	2.220.000	16.872
20	Màn ảnh	cái	0,0008	11.500.000	9.200
21	Loa thùng (tích hợp công suất)	bộ	0,0008	42.900.000	34.320
22	Đầu Karaoke	bộ	0,0019	9.250.000	17.575

Stt	Thành phần hao phí	Đơn vị tính	Định mức được duyệt	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)
23	Amly	bộ	0,0008	9.900.000	7.920
24	Ổ cứng	cái	0,0008	4.900.000	3.920
25	Micro	cái	0,0038	5.400.000	20.520
26	Tủ đựng thiết bị âm thanh	cái	0,0008	5.180.000	4.144
27	Khung màn ảnh	bộ	0,0013	7.500.000	9.750
28	Cờ phướng, cờ tổ quốc, cờ đảng, cờ hoa	bộ	0,1136	300.000	34.080
29	Pano, băng rôn (in Hamlet)	m2	1,1364	130.000	147.732
30	Khung sắt pano, băng rôn	bộ	0,0013	6.000.000	7.800
II	Nhân công				1.098.319
1	Đội trưởng bậc bình quân 4,481	công	1	466.813	466.813
2	Kỹ thuật bậc bình quân 3,04	công	1	321.190	321.190
3	Lái xe bậc bình quân 2,91	công	1	310.316	310.316
III	Máy - thiết bị				768.134
1	Xe bán tải (chi phí sửa chữa, nhiên liệu)	ca	0,25	2.611.613	652.903
2	Máy vi tính xách tay	ca	0,5625	23.760	13.365
3	Máy chiếu full HD	ca	0,5625	49.969	28.108
4	Máy lưu, giải mã tín hiệu	ca	0,375	33.957	12.734
5	Máy phát điện dự phòng	ca	0,1125	542.434	61.024

UBND TỈNH ĐỒNG NAI
SỞ TÀI CHÍNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 8374 /STC-QLG&CS

Đồng Nai, ngày 16 tháng 12 năm 2021

V/v thẩm định đơn giá công tác chiếu phim lưu động trên địa bàn tỉnh Đồng Nai theo Văn bản số 2616/SVHTTDL-KHTC ngày 08/12/2021.

Kính gửi: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

Sau khi nghiên cứu, xem xét hồ sơ phương án giá công tác chiếu phim lưu động kèm theo công văn số 2616/SVHTTDL-KHTC ngày 08/12/2021 của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc hoàn chỉnh hồ sơ thẩm định đơn giá công tác chiếu phim lưu động trên địa bàn tỉnh Đồng Nai, Sở Tài chính có ý kiến như sau:

1. Về hồ sơ phương án giá:

Hồ sơ phương án giá đã căn cứ định mức kinh tế kỹ thuật tại Quyết định số 28/2020/QĐ-UBND ngày 23/7/2020, Quyết định số 36/2021/QĐ-UBND ngày 23/8/2021 để xây dựng.

Theo hồ sơ đơn vị cung cấp, Sở Tài chính đã rà soát từng khoản mục chi phí cấu thành giá. Sở Tài chính thống nhất với phương án do đơn vị xây dựng, trong đó:

- Về chi phí vật liệu, máy móc thiết bị: thống nhất với đề xuất của đơn vị, lấy giá đề lập phương án giá là giá đã bao gồm thuế giá trị gia tăng đầu vào do sản phẩm của hoạt động chiếu phim là những buổi chiếu phục vụ nhân dân vùng sâu vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, miễn phí.

- Về chi phí khấu hao tài sản cố định:

- + Đối với TSCĐ là xe bán tải do ngân sách nhà nước cấp nên không tính khấu hao TSCĐ khi tính đơn giá chiếu phim; chỉ tính chi phí sửa chữa, chi phí nhiên liệu.

- + Đối với TSCĐ đơn vị tự trang bị bằng nguồn kinh phí của buổi chiếu: Máy vi tính xách tay, máy chiếu full HD, máy lưu giải mã tín hiệu, máy phát điện dự phòng, khấu hao được tính theo quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính, Thông tư số 45/2018/TT-BTC ngày 07/5/2018 của Bộ Tài chính.

- Về chi phí nhân công:

- + Chi phí nhân công trực tiếp: Xác định chi phí nhân công theo Thông tư số 17/2019/TT-BLĐTBXH ngày 06/11/2019 của Bộ Lao động Thương binh và xã hội và các quy định liên quan.

+ Chi phí nhân công gián tiếp: Căn cứ Quyết định số 36/2021/QĐ-UBND ngày 23/8/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Tính khả thi của mức giá được quy định (hoặc điều chỉnh giá):

Kết quả xây dựng đơn giá chiếu phim lưu động là 3.470.000 đồng/buổi chiếu, có tính khả thi để thực hiện (đơn giá trước đó tại Văn bản số 5202/STC-TCHCSN ngày 27/9/2017 của Sở Tài chính là 2.953.000 đồng) do đơn giá xây dựng mới đã căn cứ vào định mức kinh tế kỹ thuật năm 2020, 2021 do UBND tỉnh phê duyệt, các chi phí nguyên, nhiên liệu, máy móc thiết bị hiện nay cũng có giá cao hơn thời điểm năm 2017.

3. Kiến nghị:

Sau khi xem xét, Sở Tài chính thống nhất với phương án giá công tác chiếu phim lưu động kèm theo công văn số 2616/SVHTTDL-KHTC ngày 08/12/2021 của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch là **3.470.000 đồng/buổi chiếu**. Đề nghị Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch xem xét, trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt theo quy định.

Sở Tài chính có ý kiến như trên để Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch có cơ sở thực hiện./.

Nơi nhận: *thay*

- Như trên;
- Trung tâm Văn hóa Điện ảnh trực thuộc SVHTTDL;
- Lưu: VT, QLG&CS.
(NTNgan)

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Lê Văn Thư



**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 28 /2020/QĐ-UBND

Đồng Nai, ngày 23 tháng 7 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật thực hiện công tác chiếu phim lưu
động trên địa bàn tỉnh Đồng Nai**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số Điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Điện ảnh ngày 29 tháng 6 năm 2006;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Điện ảnh ngày 18 tháng 6 năm 2009;

Căn cứ Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên;

Căn cứ Thông tư số 08/2015/TT-BVHTTDL ngày 23 tháng 10 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định hoạt động của Đội chiếu phim lưu động thuộc Trung tâm Phát hành phim và chiếu bóng hoặc Trung tâm Điện ảnh tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Căn cứ Thông tư số 45/2018/TT-BTC ngày 07 tháng 5 năm 2018 của Bộ Trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, tính hao mòn, khấu hao tài sản cố định tại cơ quan, tổ chức, đơn vị và tài sản cố định do nhà nước giao cho doanh nghiệp quản lý không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp;



Theo đề nghị của Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tại Tờ trình số 1094/TTr-SVHTTDL ngày 28 tháng 5 năm 2020.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này định mức kinh tế - kỹ thuật thực hiện công tác chiếu phim lưu động trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực từ ngày 03 tháng 8 năm 2020.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Giám đốc Sở Tài chính và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;
- Cục kiểm tra VBQPPL - Bộ Tư pháp;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- Chánh - Phó Chánh VP. UBND tỉnh;
- Công thông tin điện tử;
- Lưu: VT, KTNS (20b).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Quốc Hùng



ĐỊNH MỨC KINH TẾ KỸ THUẬT

Thực hiện công tác chiếu phim lưu động trên địa bàn tỉnh Đồng Nai

(Ban hành theo Quyết định số 28 /2020/QĐ-UBND ngày 23 tháng 7 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai)

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Định mức này là cơ sở để xác định chi phí trực tiếp (chi phí vật liệu - nhân công - máy, thiết bị) trong dự toán kinh phí thực hiện công tác chiếu phim lưu động cho các đội chiếu phim lưu động trên địa bàn tỉnh Đồng Nai; làm cơ sở quản lý chi phí chiếu phim lưu động theo quy định.

2. Đối tượng áp dụng:

a) Đội chiếu phim lưu động của Trung tâm Văn hóa - Điện ảnh Đồng Nai trực thuộc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

b) Cơ quan nhà nước, tổ chức, cá nhân có liên quan trong việc dự toán, quản lý kinh phí phục vụ công tác chiếu phim lưu động trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

Điều 2. Giải thích từ ngữ trong xây dựng định mức

Định mức kinh tế kỹ thuật xây dựng 01 buổi chiếu phim lưu động bao gồm:

1. Mức hao phí vật liệu: Là số lượng vật liệu (vật liệu không luân chuyển và vật liệu luân chuyển) cần cho việc thực hiện và hoàn thành một buổi chiếu phim lưu động.

2. Mức hao phí lao động: Là số ngày công lao động của đội chiếu phim tham gia thực hiện buổi chiếu phim lưu động từ lúc chuẩn bị, xuất phát cho đến lúc kết thúc, thu dọn về lại đơn vị.

3. Mức hao phí máy - thiết bị: Là số ca sử dụng máy và thiết bị của đội chiếu để hoàn thành một buổi chiếu phim lưu động từ lúc chuẩn bị, xuất phát cho đến lúc kết thúc, thu dọn về lại đơn vị.

Điều 3. Thành phần công việc

1. Chuẩn bị máy - thiết bị chiếu; vật tư; dụng cụ; di chuyển lên xe;

2. Di chuyển đến địa điểm chiếu, vận chuyển máy - thiết bị; vật tư; dụng cụ xuống xe;

3. Chuẩn bị hội trường chiếu (trang trí, lắp đặt máy - thiết bị, bố trí - sắp xếp, chạy thử);

4. Tuyên truyền, thông báo về buổi chiếu bằng xe tải thông qua loa phóng thanh;



5. Trình chiếu giao lưu ca nhạc, chiếu hoạt hình, chiếu tuyên truyền lồng ghép;

6. Chiếu phim;

7. Kết thúc buổi chiếu, thu dọn, di chuyển lên xe;

8. Di chuyển về địa điểm nghỉ.

Điều 4. Số lượng buổi chiếu phim: 22 buổi/đội/ tháng.

Điều 5. Định mức kinh tế kỹ thuật thực hiện công tác chiếu phim lưu động

Đơn vị tính: 01 buổi chiếu

STT	Thành phần hao phí	Đơn vị tính	Hao phí
I	Vật liệu		
1	Dây dù	m	0,7576
2	Bạt che	m ²	0,3788
3	Dây điện	m	0,7576
4	Dây loa	m	0,4545
5	Ghế nhựa	cái	0,1894
6	Ổ cắm	cái	0,0076
7	Đèn pin	cái	0,0076
8	Cọc màn ảnh bằng sắt	cái	0,0455
9	Búa	cái	0,0019
10	Võng dù	cái	0,0114
11	Giỏ xách đựng công cụ - dụng cụ	cái	0,0189
12	Bóng đèn	cái	0,0606
13	Đèn để bàn	cái	0,0076
14	Bàn để máy chiếu – thiết bị	cái	0,0051
15	Quạt đứng	cái	0,0038

STT	Thành phần hao phí	Đơn vị tính	Hao phí
16	USB 32G lưu phim	cái	0,0076
17	Chân giá đỡ loa	cái	0,0038
18	Loa phóng thanh lưu động	cái	0,0025
19	Dây HDMI	bộ	0,0076
20	Màn ảnh	cái	0,0008
21	Loa thùng	bộ	0,0008
22	Đầu Karaoke	bộ	0,0019
23	Amly	bộ	0,0008
24	Ổ cứng	cái	0,0008
25	Micro	cái	0,0038
26	Tủ đựng thiết bị âm thanh	cái	0,0008
27	Khung màn ảnh	bộ	0,0013
28	Cờ phướng, cờ tổ quốc, cờ đảng, cờ hoa	bộ	0,1136
29	Pano, băng rôn	m ²	1,1364
30	Khung sắt pano, băng rôn	bộ	0,0013
II	Nhân công		
1	Đội trưởng bậc bình quân 4,481	công	1,0
2	Kỹ thuật bậc bình quân 3,04	công	1,0
3	Lái xe bậc bình quân 2,91	công	1,0
III	Máy - thiết bị		
1	Xe bán tải 5 tấn	ca	0,25
2	Máy vi tính xách tay	ca	0,5625



STT	Thành phần hao phí	Đơn vị tính	Hao phí
3	Máy chiếu full HD	ca	0,5625
4	Máy lưu, giải mã tín hiệu	ca	0,375
5	Máy phát điện dự phòng	ca	0,1125

Điều 6. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, phát sinh, cơ quan, đơn vị có liên quan báo cáo Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch để tổng hợp tham mưu báo cáo UBND tỉnh xem xét, quyết định./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Quốc Hùng



**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 36 /2021/QĐ-UBND

Đồng Nai, ngày 23 tháng 8 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Bổ sung Điều 5 Định mức kinh tế - kỹ thuật thực hiện công tác chiếu phim lưu động trên địa bàn tỉnh Đồng Nai ban hành kèm theo Quyết định số 28/2020/QĐ-UBND ngày 23 tháng 7 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Điện ảnh ngày 29 tháng 6 năm 2006;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Điện ảnh ngày 18 tháng 6 năm 2009;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên;

Căn cứ Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Thông tư số 08/2015/TT-BVHTTDL ngày 23 tháng 10 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định hoạt động của Đội chiếu phim lưu động thuộc Trung tâm Phát hành phim và chiếu bóng hoặc Trung tâm Điện ảnh tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Căn cứ Thông tư số 45/2018/TT-BTC ngày 07 tháng 5 năm 2018 của Bộ Trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, tính hao mòn, khấu hao tài sản

cố định tại cơ quan, tổ chức, đơn vị và tài sản cố định do nhà nước giao cho doanh nghiệp quản lý không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tại Tờ trình số 1600/TTr-SVHTTDL ngày 19 tháng 7 năm 2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Bổ sung mục IV, mục V vào bảng định mức kinh tế - kỹ thuật tại Điều 5 Định mức kinh tế - kỹ thuật thực hiện công tác chiếu phim lưu động trên địa bàn tỉnh Đồng Nai ban hành kèm theo Quyết định số 28/2020/QĐ-UBND ngày 23 tháng 7 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai:

STT	Thành phần hao phí	Đơn vị tính	Hao phí
IV	Hao phí Nhân công gián tiếp.	%	27% của hao phí của Nhân công.
V	Hao phí khác.	%	30,37% của các loại hao phí Vật liệu, hao phí Nhân công, hao phí Máy - thiết bị, hao phí Nhân công gián tiếp.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực từ ngày 15 tháng 9 năm 2021. Các nội dung khác tại Quyết định số 28/2020/QĐ-UBND ngày 23 tháng 7 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai Ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật thực hiện công tác chiếu phim lưu động trên địa bàn tỉnh Đồng Nai vẫn giữ nguyên giá trị pháp lý.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Giám đốc Sở Tài chính, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;
- Cục kiểm tra VBQPPL - Bộ Tư pháp;
- Chủ tịch và các PCT. UBND tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- Chánh - Phó Chánh VP. UBND tỉnh;
- Công Thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, KTNS (2).

(ĐiệpKTNS, 17b)

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN *huy*
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Võ Tấn Đức

**CÔNG TY TNHH GIẢI TRÍ
SILVER MOONLIGHT**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 24/CVS

V/v công văn xin bổ sung địa
điểm thực hiện quay phim
Mười: Lỗi Nguyên Trờ Lại

Tp.HCM, ngày 25 tháng 01 năm 2022

Kính gửi: **Ban Giám Đốc Sở Văn Hoá, Thể Thao và Du Lịch tỉnh Đồng Nai**

Lời nói đầu tiên cho chúng tôi gửi đến quý cơ quan lời chào trân trọng.

Doanh nghiệp chúng tôi là:

Tên Công Ty : Công Ty TNHH Giải Trí Silver Moonlight
Địa chỉ : Tầng 14, Toà nhà HM Town, 412 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 5,
Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Người đại diện : Bà Trịnh Lê Minh Hằng
Chức vụ : Tổng Giám Đốc
Giấy phép ĐKKD số : 0315853266

Được sự đồng ý của Sở Văn Hoá, Thể Thao và Du Lịch tỉnh Đồng Nai theo công văn số 2662/SVHTTDL-VH ngày 13/12/2021 về việc liên hệ bối cảnh phim trên địa bàn tỉnh Đồng Nai, Công ty TNHH Giải Trí Silver Moonlight được sự chấp thuận đến quay phim “Mười: Lỗi Nguyên Trờ Lại” từ ngày 15/02/2022 đến ngày 15/05/2022 tại địa điểm Tổng Công ty Cao Su Đồng Nai, Phường Suối Tre, Thành phố Long Khánh, tỉnh Đồng Nai.

Sau quá trình chuẩn bị cho các cảnh quay phù hợp hơn với kịch bản phim, Công ty TNHH Giải Trí Silver Moonlight kính mong Sở Văn Hoá, Thể Thao và Du Lịch tỉnh Đồng Nai hỗ trợ cho bổ sung thêm địa điểm ghi hình là:

- Đường lộ Suối Tre – Bình Lộc, xã Xuân Thạnh, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai.
- Lô cao su của Tổng Công Ty Cao Su Đồng Nai, thuộc xã Xuân Thạnh, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai

Công ty TNHH Giải Trí Silver Moonlight cam kết đảm bảo nội dung quay phim không trái với các quy định pháp luật của nhà nước và nội dung đã được Sở Văn Hoá, Thể Thao và Du Lịch tỉnh Đồng Nai thẩm định; cam kết đảm bảo chấp hành đúng quy định của các đơn vị và địa phương nơi thực hiện bối cảnh, không gây ô nhiễm môi trường, không làm ảnh hưởng đến trật tự xã hội.

Vậy nên, kính mong quý Ban Giám Đốc Sở Văn Hoá, Thể Thao và Du Lịch tỉnh Đồng Nai tạo điều kiện cấp phép bổ sung thêm địa điểm thực hiện quay bộ phim “Mười: Lỗi Nguyên Trờ Lại” để Công ty TNHH Giải Trí Silver Moonlight có thể hoàn thành bộ phim này.

Công ty TNHH Giải Trí Silver Moonlight cử ông Nguyễn Anh Tú, là Chủ Nhiệm Bối Cảnh (số điện thoại 0933.370.770), sẽ đến quý cơ quan để trình bày cụ thể.

Xin chân thành cảm ơn.

GIÁM ĐỐC CÔNG TY

TRỊNH LÊ MINH HẰNG

**BCĐ PKND TỈNH ĐỒNG NAI
CƠ QUAN THƯỜNG TRỰC
BAN CHỈ ĐẠO**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 10 /CQTT-PK

Đồng Nai, ngày 08 tháng 02 năm 2022

V/v xin ý kiến đóng góp vào Chỉ thị,
Kế hoạch hoạt động công tác Phòng
không nhân dân năm 2022.

Kính gửi:

- Thành viên Ban Chỉ đạo công tác PKND tỉnh;
- Đ/c Trưởng Cơ quan Thường trực BCĐ công tác PKND.

Căn cứ Chỉ thị số 40/CT-BCĐ ngày 14/01/2022 của Ban Chỉ đạo PKND (BCĐ PKND) Quân khu 7;

Căn cứ Kế hoạch số 153/KH-CQTT ngày 22/01/2022 của Cơ quan Thường trực BCĐ PKND Quân khu 7 về công tác PKND năm 2022,

Cơ quan Thường trực BCĐ PKND tỉnh phối hợp với sở, ban, ngành thành viên Ban Chỉ đạo PKND tỉnh xây dựng Chỉ thị, Kế hoạch công tác PKND (*dự thảo*) năm 2022.

Để Chỉ thị, Kế hoạch công tác PKND sát với yêu cầu nhiệm vụ của các sở, ban ngành. Cơ quan Thường trực BCĐ PKND tỉnh kính đề nghị các đồng chí Thành viên Ban Chỉ đạo PKND tỉnh nghiên cứu cho ý kiến đóng góp bổ sung nhiệm vụ PKND của cấp mình trực tiếp vào Chỉ thị, Kế hoạch (*dự thảo*) và gửi về Cơ quan Thường trực Ban Chỉ đạo (Bộ CHQS tỉnh) trước ngày 15 tháng 02 năm 2022. Đề cơ quan tổng hợp hoàn chỉnh Chỉ thị, Kế hoạch trình Đ/c Phó Chủ tịch UBND tỉnh ký và triển khai thực hiện đúng thời gian quy định. /s/

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, PK. V20.

TRƯỞNG CƠ QUAN THƯỜNG TRỰC



PHÓ CHỦ HUY TRƯỞNG
Thượng tá Nguyễn Tấn Linh

Số: /CT-UBND

Đồng Nai, ngày tháng năm 2022

(Dự thảo)

CHỈ THỊ
Về công tác Phòng không nhân dân năm 2022

Năm 2021 Ủy ban nhân dân tỉnh đã chỉ đạo Ban Chỉ đạo Phòng không nhân dân (BCĐ PKND) tỉnh tổ chức triển khai, hướng dẫn thực hiện tốt công tác PKND; BCĐ PKND các địa phương đã phát huy tốt chức năng, nhiệm vụ, vai trò lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành, tổ chức thực hiện công tác PKND đã đạt được nhiều kết quả tích cực như công tác quản lý vùng trời, tổng kết 5 năm thực hiện Nghị định số 74/2015/NĐ-CP ngày 09/9/2015 của Chính phủ về công tác PKND, tổng kết thi hành pháp luật về PKND giai đoạn 2015-2021, xây dựng hồ sơ thiết lập khu vực cấm bay, khu vực hạn chế bay theo Quyết định số 18/QĐ-CP ngày 10/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ về thiết lập khu vực cấm bay, khu vực hạn chế bay đối với tàu bay không người lái và phương tiện bay siêu nhẹ.... Tuy nhiên còn một số hạn chế: Công tác phối hợp của các cấp, các ngành còn hạn chế; việc giáo dục, tuyên truyền nâng cao nhận thức cho mọi tầng lớp nhân dân về công tác PKND chưa thường xuyên (do ảnh hưởng của dịch Covid-19); trang thiết bị, hệ thống quan sát, thông báo, báo động phòng không xuống cấp, chưa được đầu tư bảo đảm cho sẵn sàng chiến đấu; hệ thống kế hoạch PKND dài hạn chưa điều chỉnh bổ sung kịp thời.

Năm 2022, công tác PKND tiếp tục là khâu trọng tâm trong công tác chỉ đạo, điều hành của UBND tỉnh trong lĩnh vực quốc phòng - an ninh (QP-AN). Để tiếp tục nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác PKND, bảo vệ vững chắc chủ quyền, vùng trời của tỉnh, góp phần giữ vững ổn định chính trị, tạo điều kiện cho phát triển kinh tế, xã hội trên địa bàn tỉnh; thực hiện Chỉ thị số 40/CT-BCĐ ngày 14/01/2022 của BCĐ PKND Quân khu 7 về công tác PKND năm 2022; Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ thị:

1. Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh (Cơ quan Thường trực BCĐ PKND tỉnh)

a) Chủ trì, phối hợp các thành viên BCĐ PKND tỉnh thường xuyên kiểm tra, rà soát, báo cáo và tham mưu kịp thời cho UBND tỉnh kiện toàn BCĐ PKND tỉnh năm 2022.

b) Tham mưu cho BCĐ PKND tỉnh kiện toàn Cơ quan Thường trực BCĐ PKND tỉnh; ban hành kế hoạch, hướng dẫn công tác PKND năm 2022; điều chỉnh, bổ sung kế hoạch PKND tỉnh theo Nghị định số 74/2015/NĐ-CP; hướng dẫn, thẩm định kế hoạch PKND của các sở, ban, ngành và hướng dẫn BCĐ PKND các huyện, thành phố.

c) Tham mưu cho UBND tỉnh chỉ đạo, kiểm tra các huyện, thành phố về tổ chức xây dựng lực lượng PKND, PKLQ theo quy hoạch, xây dựng các công trình phục vụ phát triển kinh tế, xã hội phải gắn với bảo đảm QP-AN, nâng cao chất

lượng công tác PKND trong thể trận khu vực phòng thủ tỉnh; phát huy vai trò, trách nhiệm của từng sở, ban, ngành, cơ quan trong thực hiện nhiệm vụ công tác PKND; phát huy vai trò nòng cốt của cơ quan quân sự các cấp, đặc biệt là vai trò của Ban Chỉ huy Quân sự (CHQS) cấp xã, phường, thị trấn, cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp trong thực hiện nhiệm vụ PKND.

d) Tổ chức kiểm tra công tác PKND tại các địa phương để kịp thời tổ chức rút kinh nghiệm, nâng cao chất lượng hoạt động công tác PKND; làm tốt công tác chuẩn bị phục vụ cho BCĐ PKND Quân khu 7 kiểm tra công tác PKND.

đ) Chỉ đạo, hướng dẫn Ủy ban nhân dân huyện Cẩm Mỹ, Long Thành, Nhơn Trạch, thành phố Long Khánh diễn tập khu vực phòng thủ có nội dung công tác PKND.

e) Phối hợp Sở Thông tin và Truyền thông, Đài Phát thanh - Truyền hình kịp thời nêu gương người tốt, việc tốt, tập thể và cá nhân tiêu biểu, điển hình ở địa phương, đơn vị, cơ quan, trường học trong thực hiện nhiệm vụ PKND; tuyên truyền, phổ biến khu vực cấm bay, hạn chế bay trên địa bàn tỉnh theo Quyết định số 18/2020/QĐ-CP của Thủ tướng Chính phủ sau khi có quyết định của BCĐ PKND Trung ương.

g) Phối hợp Công an tỉnh và các sở, ban, ngành có liên quan tiếp tục thực hiện Nghị định 36/2008/NĐ-CP ngày 28/3/2008 của Chính phủ về quản lý tàu bay không người lái và các phương tiện bay siêu nhẹ; Quyết định số 18/2020/QĐ-CP ngày 10/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ về thiết lập khu vực cấm bay, khu vực hạn chế bay.

2. Công an tỉnh chủ trì, phối hợp các cơ quan chức năng có liên quan tổ chức huấn luyện cho các tổ, đội, cứu thương, cứu nạn, cứu sập và phòng cháy chữa cháy liên quan đến lĩnh vực công tác PKND; phối hợp với Bộ CHQS tỉnh quản lý chủ động phát hiện, ngăn ngừa, ngăn chặn hành vi sử dụng đèn chiếu sáng laze trái phép gây nguy hiểm cho an toàn hàng không, tiếp tục duy trì theo dõi tình hình diễn biến và xử lý những trường hợp vi phạm an ninh mạng liên quan đến công tác PKND.

3. Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh tiếp tục phối hợp với Bộ CHQS tỉnh hoàn chỉnh kỹ thuật trong việc thực hiện Quyết định số 18/2020/QĐ-CP của Thủ tướng Chính phủ và phối hợp với Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh đưa dữ liệu khu vực cấm bay, khu vực hạn chế bay trên địa bàn tỉnh lên cổng thông tin điện tử Ủy ban nhân dân tỉnh sau khi có quyết định của BCĐ PKND Trung ương.

4. Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh chủ trì, phối hợp Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh chỉ đạo Phòng giáo dục cấp huyện, thành phố và các cơ sở đào tạo lồng ghép nội dung tuyên truyền PKND trong chương trình giáo dục QP-AN cho học sinh, sinh viên các trường đại học, trung học chuyên nghiệp, cơ sở đào tạo nghề, trung học phổ thông, trung học cơ sở.

5. Sở Thông tin và Truyền thông phối hợp Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy định hướng các cơ quan báo chí trên địa bàn tỉnh tuyên truyền vai trò của công tác PKND, các Nghị định, thông tư của Chính phủ về công tác PKND; tuyên

truyền, phổ biến khu vực cấm bay, hạn chế bay trên địa bàn tỉnh theo Quyết định số 18/2020/QĐ-CP của Thủ tướng Chính phủ sau khi có quyết định của BCĐ PKND Trung ương.

6. Đài Phát thanh - Truyền hình Đồng Nai chủ trì, phối hợp với Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh xây dựng chương trình, kế hoạch tổ chức tuyên truyền sâu rộng, có hiệu quả về thực hiện công tác PKND theo Nghị định số 74/2015/NĐ-CP của Chính phủ và Thông tư số 06/2016/TT-BQP ngày 23/01/2016 của Bộ Quốc phòng hướng dẫn thực hiện Nghị định của Chính phủ về công tác PKND; chỉ đạo, hướng dẫn Đài Phát thanh - Truyền hình cấp huyện, thành phố tăng thời lượng phát sóng tuyên truyền về hoạt động công tác PKND, nội dung tuyên truyền tập trung nâng cao nhận thức cho cán bộ, công chức, viên chức, Lực lượng DQTV, DBĐV và Nhân dân về Nghị định số 74/2015/NĐ-CP ngày 09/9/2015 của Chính phủ về công tác PKND; hoạt động PKND của địa phương; công tác PKND trong thời kỳ đánh Mỹ ở miền Bắc xã hội chủ nghĩa (1964 - 1972); công tác PKND trong chiến thắng 12 ngày đêm “Hà Nội - Điện Biên Phủ trên không” (1972), công tác PKND trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc hiện nay; tuyên truyền, phổ biến khu vực cấm bay, hạn chế bay trên địa bàn tỉnh theo Quyết định số 18/2020/QĐ-CP của Thủ tướng Chính phủ sau khi có quyết định của BCĐ PKND Trung ương.

7. UBND các huyện, thành phố, Biên Hòa, Long Khánh

a) Chỉ đạo UBND các xã, phường, thị trấn diễn tập chiến đấu phòng thủ có nội dung về PKND theo kế hoạch của địa phương; chỉ đạo Hội đồng Giáo dục QP-AN các huyện, thành phố Biên Hòa, Long Khánh, tổ chức lồng ghép các nội dung PKND vào chương trình bồi dưỡng kiến thức QP-AN cho các đối tượng.

b) Đối với các địa phương được xác định là vùng trọng điểm PKND tổ chức xây dựng lực lượng Dân quân Tự vệ Phòng không (DQTV PK) có tỉ lệ thích hợp. Hiệp đồng cùng các đơn vị, địa phương và cơ quan chức năng quy hoạch tạo nguồn Quân nhân dự bị Phòng không (QNDB PK) đủ về số lượng, bảo đảm về chất lượng, có tỉ lệ đúng về chuyên nghiệp quân sự. Tổ chức huấn luyện, kiểm tra sẵn sàng chiến đấu, kiểm tra sẵn sàng động viên đạt chỉ tiêu Quân khu giao.

c) Nâng cao chất lượng của hệ thống đài, vọng quan sát phòng không; đầu tư sửa chữa, mua sắm khí tài quang học, các trang thiết bị bảo đảm cho trực sẵn sàng chiến đấu, quản lý vùng trời và huấn luyện của lực lượng PKND - PKLQ.

d) Chỉ đạo Ban Chỉ đạo PKND cùng cấp căn cứ nội dung Chỉ thị và tình hình thực tiễn của địa phương, có kế hoạch triển khai thực hiện nhiệm vụ công tác PKND; định kỳ sơ kết, tổng kết việc triển khai thực hiện Chỉ thị, rút kinh nghiệm để sửa đổi, bổ sung, điều chỉnh chương trình, kế hoạch hoạt động PKND sát với tình hình thực tiễn; thường xuyên kiểm tra hoạt động công tác PKND các xã, phường, thị trấn; tiến hành điều chỉnh, bổ sung kế hoạch PKND theo Nghị định 74/2015/NĐ-CP xong trước ngày 10/4/2022; làm tốt công tác chuẩn bị phục vụ cho BCĐ PKND Quân khu 7 kiểm tra công tác PKND.

8. Các sở, ban, ngành theo chức năng nhiệm vụ được giao, huy động nguồn

lực phục vụ công tác PKND, xây dựng các tổ, đội bảo đảm phục vụ cho sơ tán, phòng tránh và khắc phục hậu quả khi có tình huống; chỉ đạo hướng dẫn các cơ quan thuộc quyền thực hiện tốt, các kế hoạch, nhiệm vụ PKND, đưa công tác PKND vào chương trình, kế hoạch hoạt động của cơ quan, tổ chức; tiến hành điều chỉnh, bổ sung kế hoạch PKND theo Nghị định 74/2015/NĐ-CP xong trước ngày 10/4/2022; làm tốt công tác chuẩn bị phục vụ cho BCĐ PKND Quân khu 7 kiểm tra công tác PKND.

Đề nghị Bộ CHQS tỉnh, Công an tỉnh, các sở, ban, ngành, địa phương có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện nghiêm túc Chỉ thị này. Giao cho Cơ quan Thường trực BCĐ PKND tỉnh theo dõi, hướng dẫn, đôn đốc việc thực hiện Chỉ thị này, tổng hợp và báo cáo kết quả cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

Chỉ thị này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

CHỦ TỊCH

Nơi nhận:

- BCĐ PKND/QK7;
- CQTT; BCĐ PKND/QK7;
- TT. Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, Phó CT. UBND tỉnh;
- Thành viên BCĐ PKND tỉnh;
- Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh;
- Công an tỉnh;
- Chánh VP UBND tỉnh;
- Ban Chỉ đạo PKND các địa phương;
- Ban CHQS các huyện, thành phố;
- Lưu: VT, HCTC, THNC.

Số: /KH-BCĐ

Đồng Nai, ngày tháng năm 2022

(Dự thảo)

KẾ HOẠCH

Hoạt động công tác Phòng không nhân dân năm 2022

Căn cứ Nghị định số 74/2015/NĐ-CP ngày 09/9/2015 của Chính phủ về công tác Phòng không nhân dân;

Căn cứ Chỉ thị số 40/CT-BCĐ ngày 14/01/2022 của Ban Chỉ đạo PKND (BCĐ PKND) Quân khu 7 và Kế hoạch số 153/KH-CQTT ngày 22/01/2022 của Cơ quan Thường trực BCĐ PKND Quân khu 7 về công tác PKND, hoạt động của Cơ quan Thường trực BCĐ PKND Quân khu 7 năm 2022,

Căn cứ Chỉ thị số /CT-UBND ngày /02/2022 của UBND tỉnh về công tác PKND năm 2022,

Ban Chỉ đạo PKND tỉnh triển khai kế hoạch hoạt động công tác Phòng không nhân dân năm 2022 như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Nhằm nâng cao chất lượng hoạt động công tác PKND theo Nghị định số 74/2015/NĐ-CP của Chính phủ đối với các sở, ban ngành, địa phương.

- Phát huy vai trò làm tham mưu, chỉ đạo, điều hành của cơ quan quân sự các cấp đối với công tác PKND, nâng cao hoạt động công tác PKND của các sở, ban ngành, địa phương vào nền nếp, có chiều sâu, thực hiện tốt chức năng giúp BCĐ PKND các cấp tham mưu đề xuất với Chủ tịch UBND tỉnh, chỉ đạo hướng dẫn, kiểm tra triển khai thực hiện công tác PKND đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ QP-AN trong tình hình mới.

2. Yêu cầu

- Tổ chức triển khai chặt chẽ, toàn diện, có các giải pháp cụ thể để nâng cao chất lượng lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành hoạt động công tác PKND của các đơn vị, địa phương trên địa bàn tỉnh.

- Quán triệt, thực hiện nghiêm nghị quyết, chỉ thị, kế hoạch, sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy, Ủy ban nhân dân các cấp; BCĐ PKND Trung ương, BCĐ PKND Quân khu 7.

- Hoạt động phải bám sát nhiệm vụ, yêu cầu xây dựng lực lượng PKND trong tình hình mới; có lộ trình phù hợp và cụ thể hóa, bảo đảm các yếu tố cần thiết để thực hiện nhiệm vụ công tác PKND năm 2022 và những năm tiếp theo.

- Công tác phối hợp chặt chẽ giữa các sở, ban ngành, cơ quan, địa phương trong thực hiện hoạt động công tác PKND.

II. NỘI DUNG TRỌNG TÂM

1. Tổ chức quán triệt nghị định, quy định, chỉ thị, kế hoạch, hướng dẫn về công tác PKND; đẩy mạnh tuyên truyền, giáo dục về công tác PKND.
2. Tổ chức kiện toàn BCD PKND và triển khai kế hoạch công tác PKND.
3. Xây dựng Kế hoạch PKND và kế hoạch đánh địch tiến công hỏa lực bảo vệ Tổ Quốc Việt Nam Xã Hội Chủ Nghĩa.
4. Tiếp tục xây dựng thể trận, công trình phòng tránh sơ tán PKND.
5. Tổ chức xây dựng lực lượng PKND.
6. Công tác huấn luyện, diễn tập khu vực phòng thủ.
7. Tổ chức nghiên cứu ứng dụng khoa học công nghệ trong thực hiện công tác PKND.
8. Kiểm tra công tác PKND các địa phương, sở, ban, ngành; phục vụ tốt cho Cơ quan Thường trực BCD PKND Quân khu 7 kiểm tra công tác PKND.

III. NHIỆM VỤ CỤ THỂ

1. Cơ quan Thường trực (Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh)

- Cơ quan Thường trực chủ trì phối hợp các sở, ban ngành, Sở Nội vụ tham mưu BCD đề xuất UBND tỉnh bổ sung, kiện toàn BCD, Cơ quan Thường trực BCD PKND tỉnh theo Nghị định số 13 và Nghị định số 14/NĐ-CP ngày 14/02/2008 của Chính phủ về tổ chức các cơ quan chuyên môn trực thuộc UBND các cấp; *thời gian thực hiện tháng 3 năm 2022.*

- Phối hợp các sở, ban ngành, Văn phòng UBND tỉnh tham mưu cho BCD PKND tỉnh xây dựng kế hoạch hoạt động công tác PKND năm 2022, kịp thời triển khai cho các cấp, các ngành tổ chức thực hiện đồng bộ thống nhất từ sở, ban, ngành đến các địa phương; *thời gian thực hiện trong tháng 3 năm 2022.*

- Phối hợp với các cơ quan liên quan tham mưu cho UBND tỉnh lãnh đạo quán triệt thực hiện có hiệu quả Nghị quyết số 28/NQ-TW ngày 22/9/2008 của Bộ Chính trị; Nghị định số 152/2007/NĐ-CP ngày 10/10/2010 của Chính phủ; Chương trình hành động số 68/CTr/TU ngày 04/02/2009 của Ban thường vụ Tỉnh ủy về xây dựng tỉnh, thành phố thành khu vực phòng thủ vững chắc trong tình hình mới.

- Phối hợp các sở, ban ngành tham mưu cho BCD PKND xây dựng, điều chỉnh Kế hoạch PKND theo Nghị định số 74/2015/NĐ-CP của Chính phủ; Chỉ đạo, hướng dẫn BCD PKND các địa phương xây dựng hoàn chỉnh kế hoạch; tham mưu cho BCD PKND tỉnh kiểm tra công tác PKND các địa phương, sở, ban, ngành; phục vụ tốt cho Cơ quan Thường trực BCD PKN Quân khu 7 kiểm tra công tác PKND tỉnh; *thời gian thực hiện từ tháng 2 đến 4 năm 2022.*

- Bộ CHQS tỉnh xây dựng kế hoạch PKND trong đánh địch tiến công hỏa lực bảo vệ Tổ quốc Việt Nam Xã hội Chủ Nghĩa; triển khai khu vực cấm bay, khu vực hạn chế bay trên địa bàn tỉnh theo Quyết định số 18/2020/QĐ-CP ngày

10/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ về thiết lập khu vực cấm bay, khu vực hạn chế bay đối với tàu bay không người lái và phương tiện bay siêu nhẹ; *thời gian thực hiện cả năm 2022.*

- Phối hợp với Sở Xây dựng, Sở Kế hoạch và Đầu tư và các sở, ban ngành, địa phương liên quan lập kế hoạch xây dựng, quản lý các trận địa phòng không đã xác định theo thể trận khu vực phòng thủ, quy hoạch công trình, giao thông có tính lưỡng dụng phục vụ cho công tác PKND đã được xác định theo thể trận KVPT; thông báo và phối hợp với các địa phương quản lý các bãi đỗ trực thăng làm nhiệm vụ bảo vệ an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội (A2), cứu hộ cứu nạn trên địa bàn tỉnh theo đề án 6183 của Quân chủng Phòng không Không quân sau khi có quyết định của Bộ quốc phòng; *thời gian thực hiện cả năm 2022.*

- Cơ quan Thường trực chủ trì phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính tham mưu cho BCĐ PKND đề xuất UBND tỉnh mua sắm, trang bị khí tài kính chỉ huy (TZK), ống nhòm nhìn đêm, thiết bị, súng chế áp Flycam, (UAV) hệ thống còi hú báo báo động phòng không bảo đảm cho nhiệm vụ SSCĐ và huấn luyện; Phối hợp Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh và các cơ quan có liên quan tổ chức hệ thống còi báo động PKND kết hợp với hệ thống đài phát thanh, vô tuyến truyền hình nhằm bảo đảm thông báo báo động PKND cho toàn thể các tầng lớp nhân dân khi có tình huống xảy ra; chỉ đạo các địa phương tham mưu cho UBND huyện, thành phố đầu tư mua sắm trang thiết bị, khí tài quan sát phòng không đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trực sẵn sàng chiến đấu; *thời gian thực hiện cả năm 2022.*

- Tổ chức tập huấn, huấn luyện chiến đấu chuyên ngành cho các lực lượng phòng không theo đúng chương trình, nội dung, thời gian quy định của Bộ Quốc phòng và Quân khu bảo đảm 100% đầu mối các đơn vị, địa phương được tổ chức huấn luyện với quân số đạt trên 99% trở lên, thời gian quý II năm 2022.

- Chỉ đạo, hướng dẫn Ủy ban nhân dân huyện Cẩm Mỹ, Long Thành, Nhơn Trạch, thành phố Long Khánh diễn tập khu vực phòng thủ có nội dung công tác PKND; *Thời gian: Theo kế hoạch.*

- Tổ chức biên chế, bổ nhiệm cán bộ phòng không kiêm nhiệm đã được tập huấn về chuyên ngành phòng không đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ công tác PKND theo quy định. Tập trung nâng cao chất lượng lực lượng phòng không kiêm nhiệm cho các địa phương, bảo đảm quân số trực chiến đạt tỷ lệ 100%.

- Tiếp tục nâng cao chất lượng phòng không DQTV hiện có và tổ chức xây dựng lực lượng phòng không ở các địa bàn trọng điểm, thực hiện đúng Chỉ thị 45/CT-BQP của Bộ Quốc phòng, Chỉ thị 247/CT-TL Quân khu xây dựng và mở rộng lực lượng phòng không DQTV trong các trạng thái sẵn sàng chiến đấu, ưu tiên một số địa phương trọng điểm phòng không có nhiều nhà máy, xí nghiệp và các khu công nghiệp.

- Phân công cán bộ tham gia tập huấn chuyên ngành PKLQ, PKND do Cục Phòng không Lục quân, Quân khu 7 tổ chức.

- Tổ chức tập huấn chuyên ngành phòng không năm 2022 cho các đối tượng (cán bộ phòng không kiêm nhiệm, ct' PPK 37mm, bt' SMPK 12,7mm/DQTV).

- Tổ chức huấn luyện chuyên ngành phòng không và chuẩn bị đầy đủ vật chất, tài liệu giáo án, kế hoạch tham gia diễn tập chiến thuật cùng sư đoàn BB5; thời gian quý II, IV năm 2022.

2. Công an tỉnh

Chủ trì, phối hợp với Bộ CHQS tỉnh, Sở Y tế và các sở, ban ngành có liên quan tổ chức huấn luyện theo chức năng cho các tổ, đội, cứu thương, cứu nạn, cứu sập và phòng cháy chữa cháy theo kế hoạch PKND của sở, ban ngành; phối hợp với Bộ CHQS tỉnh quản lý, chủ động phát hiện, ngăn ngừa, ngăn chặn hành vi sử dụng đèn chiếu sáng laze trái phép gây nguy hiểm cho an toàn hàng không, tiếp tục duy trì theo dõi tình hình diễn biến và xử lý những trường hợp vi phạm an ninh mạng liên quan đến công tác PKND; thời gian thực hiện cả năm 2022.

3. Sở Tài Nguyên và Môi trường

Phối hợp với Bộ CHQS tỉnh hoàn chỉnh kỹ thuật trong việc thực hiện Quyết định số 18/2020/QĐ-CP của Thủ tướng Chính phủ và phối hợp với Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh đưa dữ liệu khu vực cấm bay, khu vực hạn chế bay trên địa bàn tỉnh lên cổng thông tin điện tử Ủy ban nhân dân tỉnh sau khi có quyết định của BCD PKND Trung ương.

4. Sở Khoa học - Công nghệ

Chủ trì phối hợp với Bộ CHQS tỉnh và các cơ quan, sở ngành nghiên cứu, xây dựng các đề tài cải tiến trang thiết bị, khí tài theo công nghệ tiên tiến để từng bước nâng cấp thiết bị cho lực lượng PKND; tập trung ưu tiên nghiên cứu triển khai khí tài quan sát bắn mục tiêu ban đêm, hệ thống thông tin liên lạc và thông báo báo động PKND, vật liệu nguy trang trong tác chiến điện tử; thời gian thực hiện cả năm 2022.

5. Sở Giáo dục và Đào tạo

Chủ trì phối hợp Sở Lao động thương binh và Xã hội với Bộ CHQS tỉnh chỉ đạo cho cơ quan, đơn vị thuộc quyền tổ chức học tập, bồi dưỡng kiến thức GDQP-AN và PKND cho các đối tượng. Trước mắt cần tập trung tuyên truyền cho những đối tượng là học sinh các trường trung học phổ thông, trung học cơ sở.

- Nội dung chủ yếu:

+ Vị trí vai trò, mục đích, ý nghĩa tầm quan trọng của công tác PKND, những nội dung cơ bản của Nghị định số 74/2015/NĐ-CP của Chính phủ về công tác PKND. Công tác PKND trong đánh thắng cuộc chiến tranh phá hoại bằng không quân của đế quốc Mỹ ở Miền Bắc (1964 đến 1972). Công tác phòng không là một nội dung trong xây dựng nền Quốc phòng toàn dân và là một bộ phận của thế trận chiến tranh nhân dân trên mặt trận đối không.

+ Hiểu biết về địch và cách đánh của lực lượng PKND. Khả năng tiến công hỏa lực đường không của địch trong tương lai, các phương tiện vũ khí tiến công đường không. Phương pháp tổ chức phòng tránh, sơ tán, khắc phục hậu quả, cách bắn mục tiêu bay thấp, tên lửa hành trình (TLHT) của các loại súng bộ binh, phương pháp tổ chức trinh sát quản lý vùng trời, thông báo, báo động phòng không; *thời gian thực hiện cả năm 2022.*

6. Sở Xây dựng

- Thực hiện Thông tư số 110/2016/TT-BQP ngày 09/8/2016 của Bộ Quốc phòng về quy định các vùng và tỉnh, thành phố trọng điểm phòng không. Trong đó tỉnh Đồng Nai là tỉnh trọng điểm phòng không có các mục tiêu kinh tế, chính trị, quân sự của Trung ương, Bộ Quốc phòng và Quân khu tập trung chủ yếu trên địa bàn tỉnh.

- Phối hợp với Bộ CHQS tỉnh và các sở, ban, ngành có liên quan trong công tác thẩm định hồ sơ quy hoạch xây dựng, trong đó lồng ghép các công trình đô thị, công trình ngầm gắn với công trình phòng thủ dân sự, công trình quốc phòng để đảm bảo thực hiện tốt công tác phòng tránh, sơ tán theo kế hoạch PKND của tỉnh trong những năm đầu chiến tranh; *thời gian thực hiện cả năm 2022.*

7. Sở Thông tin và Truyền thông

- Chủ trì phối hợp với Ban Tuyên giáo tỉnh Ủy, Bộ CHQS tỉnh và các sở, ban ngành, đoàn thể có liên quan định hướng các cơ quan báo chí trên địa bàn tỉnh tuyên truyền công tác PKND chỉ đạo các địa phương tuyên truyền, giáo dục công tác PKND cho các tầng lớp nhân dân, công nhân viên chức, lực lượng dân quân tự vệ, dự bị động viên trên địa bàn tỉnh; tuyên truyền, phổ biến khu vực cấm bay, hạn chế bay trên địa bàn tỉnh theo Quyết định số 18/2020/QĐ-CP của Thủ tướng Chính phủ sau khi có quyết định của BCD PKND Trung ương.

- Nâng cao chất lượng công tác tuyên truyền giáo dục, đổi mới phương pháp tuyên truyền với nhiều nội dung phong phú, hình thức đa dạng linh hoạt, nhất là tuyên truyền vào các ngày Lễ kỷ niệm trọng đại của đất nước và ngày truyền thống của địa phương cho toàn dân và cả hệ thống chính trị, nắm vững, thực hiện tốt nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN trong điều kiện đất nước mở cửa và hội nhập kinh tế quốc tế trong giai đoạn hiện nay; *thời gian thực hiện cả năm 2022.*

8. Đài phát thanh và Truyền hình tỉnh Đồng Nai

Chủ trì phối hợp với Bộ CHQS tỉnh, các cơ quan có liên quan xây dựng chương trình, kế hoạch tổ chức tuyên truyền sâu rộng, có hiệu quả về thực hiện công tác PKND theo Nghị định số 74/NĐ-CP ngày 09/9/2015 của Chính phủ và Thông tư số 06/ 2016/TT-BQP ngày 23/1/2016 của Bộ Quốc phòng hướng dẫn thực hiện Nghị định của Chính phủ về công tác PKND; Đài phát thanh truyền hình tỉnh hướng dẫn chỉ đạo Đài truyền thanh các huyện, thành phố tăng thời lượng phát sóng tuyên truyền hoạt động công tác Phòng không nhân dân; nội dung tuyên truyền tập trung nâng cao nhận thức cho cán bộ, công chức, viên chức và nhân dân về Nghị định số 74/2015/NĐ-CP ngày

09/9/2015 của Chính phủ về công tác PKND; hoạt động PKND của địa phương; công tác PKND trong thời kỳ đánh Mỹ ở miền Bắc xã hội chủ nghĩa (1964-1972); công tác PKND trong chiến thắng 12 ngày đêm “Hà Nội-Điên Biên phủ trên không” (1972), công tác PKND trong sự nghiệp và bảo vệ Tổ quốc hiện nay; tuyên truyền, phổ biến khu vực cấm bay, hạn chế bay trên địa bàn tỉnh theo Quyết định số 18/2020/QĐ-CP của Thủ tướng Chính phủ sau khi có quyết định của BCĐ PKND Trung ương.

9. Các sở, ban ngành thực hiện theo chức năng nhiệm vụ được giao, huy động nguồn lực phục vụ cho công tác PKND, xây dựng các tổ đội bảo đảm cho phục vụ sơ tán, phòng tránh và khắc phục hậu quả khi có tình huống; chỉ đạo, hướng dẫn các cơ quan thuộc quyền thực hiện tốt các kế hoạch, nhiệm vụ công tác PKND, đưa công tác PKND vào chương trình, kế hoạch hoạt động của cơ quan đơn vị.

Căn cứ nhiệm vụ trên yêu cầu Cơ quan Thường trực, Cơ quan Chuyên trách, các sở, ban ngành, địa phương phối hợp các cơ quan có liên quan tham mưu cho BCĐ, đề xuất UBND các cấp bổ sung, kiện toàn BCĐ; Cơ quan Thường trực BCĐ PKND xây dựng kế hoạch công tác PKND sát với tình hình thực tiễn, triển khai tổ chức thực hiện có hiệu quả công tác PKND ở các cơ quan và địa phương mình.

Thực hiện tốt công tác sơ, tổng kết, kịp thời rút kinh nghiệm, xây dựng mô hình tiên tiến, nhân rộng điển hình từng bước đưa hoạt động công tác PKND vào nền nếp có chiều sâu và hiệu quả.

Chế độ báo cáo Quý I (*trước ngày 10/3*), Quý II (*trước ngày 10/6*), Quý III (*trước ngày 10/9*), cả năm (*trước ngày 10/11*) kết quả thực hiện nhiệm vụ công tác PKND của các sở ngành, địa phương gửi về Cơ quan Thường trực BCĐ công tác PKND tỉnh (Bộ CHQS tỉnh) đúng thời gian quy định./.

TRƯỞNG BAN

Nơi nhận:

- Ban CĐPKND/QK7;
- CQTT BCĐ PKND/QK7;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Thường trực UBND tỉnh;
- Các thành viên BCĐ PKND tỉnh, các sở, ngành;
- BCĐ PKND các huyện, thành phố;
- Lưu: VT, THNC. V50.

**DANH MỤC CÁC BIỂU MẪU BÁO CÁO THỐNG KÊ CƠ SỞ ÁP DỤNG ĐỐI VỚI CÁC CƠ SỞ;
DOANH NGHIỆP HOẠT ĐỘNG DU LỊCH**

(Ban hành kèm theo Thông Tư số: 26/2014/TT-BVHTTDL ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Bộ
Trưởng Bộ Văn Hóa, Thể thao và Du Lịch)

Biểu số: 01.T/DL-DN

Ban hành kèm theo thông tư
số 26/2014/TT-BVHTTDL
ngày 31 tháng 12 năm 2014
của Bộ trưởng Bộ Văn
hóa, Thể thao và Du Lịch.
Ngày báo cáo: ngày 10 tháng
sau tháng báo cáo.

KẾT QUẢ

KINH DOANH CƠ SỞ

Đơn vị báo cáo:

Cơ sở kinh doanh lưu trú du
lịch

Đơn vị nhận báo cáo: Sở Văn
hóa, thể thao và Du Lịch hoặc
Sở Du lịch tỉnh/Tành phố.

Tên cơ sở: KHÁCH SẠN KIM CƯƠNG

Mã số thuế: 3600354937-002

Địa chỉ: Số 106 Nguyễn Tri Phương, Phường Bửu Hòa, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

Loại hình doanh nghiệp: **NHÀ HÀNG, KHÁCH SẠN**

Cơ quan chủ quản: **CÔNG TY TNHH MTV VB-KC NGỌC CẮC**

Điện thoại: 02513.956979 Fax: 0251 3957098 Email: diamondhotelresort@gmail.com

Giấy phép hoạt động du lịch: 4712001947

Chỉ tiêu	ĐV tính	Mã số	Số thực hiện kỳ trước	Số thực hiện kỳ báo cáo	Lũy kế từ đầu năm	Lũy kế so với cùng kỳ năm trước
A	B	C	1	2	3	4=%
1. Khách do cơ sở lưu trú phục vụ (khách có nghỉ qua đêm tại cơ sở)						
1.1. Số lượt khách phục vụ	Lượt	01	175	172	16.564	
- Khách quốc tế đến	Lượt	02	0	2	479	
- Khách du lịch nội địa	Lượt	03	175	170	15.490	
1.2. Tổng số ngày lưu trú của khách (số đêm lưu trú)	Đêm	04	106	126	67.323	
- Khách quốc tế đến	Đêm	05		2	1.369	
- Khách du lịch nội địa	Đêm	06	106	124	7.369	
2. Công suất sử dụng phòng (07) = (08)/(09)*100	%	07	60%			

Chỉ tiêu	ĐV tính	Mã số	Số thực hiện kỳ trước	Số thực hiện kỳ báo cáo	Lũy kế từ đầu năm	Lũy kế so với cùng kỳ năm trước
- Tổng số ngày phòng đã bán	Đêm	08	173	163	23.153	
- Tổng số ngày phòng sẵn có để bán	Đêm	09	727	737	17.658	
3. Doanh thu	Triệu đ	10				
- Dịch vụ lưu trú	Triệu đ	11	118.124.261	72.545.000		
- Dịch vụ ăn uống	Triệu đ	12	2.154.145	182.157.200		
- Dịch vụ khác	Triệu đ	13	2.175.164	0		
4. Số lao động trực tiếp hoạt động du lịch	Người	14	12			
- Hoạt động lưu trú	Người	15	8			
- Hoạt động ăn uống	Người	16	2			
- Khác	Người	17	2			
5. Số lượng khách của 10 thị trường hàng đầu (theo quốc tịch khách quốc tế đến)		18				
Indonesia	Người		1	2		
Pháp	Người					

Bừu Hòa, Ngày 08 Tháng 02 năm 2022

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Thủ Trưởng Đơn Vị
(Ký, đóng dấu, họ tên)



Trương Hoàng Thiện